MỤC LỤC

Phần I: ĐẶT VẤN ĐỀ 3
1. Tính cấp thiết của đề tài 3
2. Mục tie u nghie n cứu 3
3. Đối tu ợng và phạm vi nghie n cứu 4
4. Phu o ng pháp nghie n cứu 4
5. Kết cấu của đề tài 5

Phần II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU 6
Chu o ng 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU 6
1.1. Khái niệm về doanh nghiệp lớn và phân loại doanh nghiệp 6
1.2. Tổ chức công tác kế toán 7
1.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán 7
1.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán 8
1.2.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán 8
1.2.4. Tổ chức sổ kế toán 9
1.2.5. Tổ chức lập báo cáo tài chính 10
1.3. Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa 10
1.3.1. Hệ thống dữ liệu đầu vào 10
1.3.2. Quá trình xử lý 11
1.3.3. Hệ thống thông tin đầu ra 12
1.3.4. Hệ thống lưu trữ dữ liệu 12
1.4. Các yếu tố cần thiết để tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa 13
1.4.1. Phần cứng 13
1.4.2. Phần mềm 13
1.4.3. Bộ máy và người làm kế toán 14
1.5. Các nghiên cứu có liên quan 15
Chu o ng 2: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG TIN HỌC TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LỚN Ở THÀNH PHỐ HUẾ 17
2.1. Giới thiệu tổng quát về tình hình hoạt động và quản lý trong doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế 17
2.1.1. Vai trò của doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế 17
2.1.2. Đặc điểm hoạt động và quản lý của doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế 18
2.1.3. Các khó khăn và thách thức đối với doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế 19
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế 19
2.2.1. Phạm vi và đối tượng khảo sát 19
2.2.2. Kết quả khảo sát 20
2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng tin học trong tổ chức kế toán 25
2.3.1. Đánh giá sự liên hệ giữa tổ chức kế toán và công nghệ thông tin 25
2.3.2. Nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng tin học trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế 29
Chu o ng 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VIỆC VẬN DỤNG TIN HỌC TRONG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LỚN THÀNH PHỐ HUẾ 38
3.1. Các mục tiêu và định hướng vận dụng tin học trong tổ chức công tác kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế 38
3.1.1. Kết hợp cha t chẽ kế toán tài chính và kế toán quản trị 38
3.1.2 Kết hợp he thống kế toán trong he thống thông tin quản lý của doanh nghie p. 39
3.1.3 Góp phần nâng cao chất lu ợng thông tin kế toán để phục vụ cho các đối tu ợng khác nhau 40

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

3.1.4 Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán 41
3.2. Các giải pháp thực hiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế **41**
3.2.1. Giải pháp liên quan tới môi trường pháp lý 41
3.2.2. Giải pháp liên quan đến môi trường thông tin 42
3.2.3. Giải pháp về các yếu tố trong bộ máy kế toán 42
3.2.4. Giải pháp về kỹ thuật 43
3.2.5. Kiến nghị với doanh nghiệp lớn 46
3.2.6. Kiến nghị đối với các đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm 46
3.2.7. Kiến nghị đối với các đơn vị đào tạo 46
Phần III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ **48**
1. Kết luận **48**
2. Các kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo **48**

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Phần I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay, công nghệ thông tin được ứng dụng rộng rãi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống và kế toán cũng không phải là một ngoại lệ. Tuy nhiên, ứng dụng tin học hoá như thế nào để đảm bảo bộ máy kế toán hoạt động hữu hiệu và hiệu quả, khai thác tối đa các tính năng của phần mềm kế toán và đảm bảo các yếu tố kiểm soát, mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất cho doanh nghiệp. Để làm được điều này, doanh nghiệp cần phải tổ chức bộ máy kế toán một cách có hiệu quả trong cả hệ thống thông tin kế toán tài chính và hệ thống thông tin kế toán quản trị theo Rommey và công sự [1]. Ông còn cho rằng, doanh nghiệp cần phải có một quy trình để vận dụng hệ thống thông tin máy tính vào trong công tác kế toán để tiết kiệm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, đồng thời tối đa hoá giá trị sử dụng của phần mềm kế toán.

Tuy nhiên, tại Thành phố Huế, nhiều doanh nghiệp chưa có một quy trình tổ chức kế toán khi vận dụng công nghệ thông tin nên chưa đem lại được hiệu quả như mong muốn. Một số doanh nghiệp đã quay lại với cách làm kế toán thủ công vì cho rằng phần mềm kế toán không đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, rườm rà trong khâu tổ chức và nhất là khó kiểm soát được các hoạt động kế toán tại đơn vị. Điều này không phải do phần mềm kế toán không đáp ứng được mà do sự hiểu biết, khai thác phần mềm chưa tốt. Quá trình vận dụng của doanh nghiệp mang tính chủ quan mà chưa có sự hướng dẫn mang tính chuẩn hóa trong quá trình vận hành, khai thác phần mềm.

Xuất phát từ những thực tế trên, nhóm tác giả quyết định nghiên cứu ***"Những nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng tin học trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế"***.

2. Mục tie u nghie n cứu

Đánh giá thực trạng việc tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp lớn trên địa bàn thành phố Huế.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Nhận diện các nhân tố tác động tới việc tổ chức kế toán của các doanh nghiệp lớn tại thành phố Huế trong điều kiện ứng dụng tin học.

Đề xuất các giải pháp để hoàn thiện việc vận dụng tin học trong tổ chức kế toán cho các doanh nghiệp lớn tại thành phố Huế.

3. Đối tu ợng và phạm vi nghie n cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác tổ chức kế toán trong điều kiện tin học hoá, mà cụ thể là việc tổ chức ứng dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp lớn.

3.2 Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu tại các doanh nghiệp lớn trên địa bàn thành phố Huế. Đề tài nghiên cứu các ý kiến đánh giá về hiện trạng và sự đáp ứng thông tin của phần mềm kế toán đối với việc ra quyết định quản lý của nhà quản trị.

Nghiên cứu được dự kiến thực hiện trong thời gian 12 tháng, từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014.

4. Phu o ng pháp nghie n cứu

4.1. Cách tiếp cận

Bằng cách thu thập các ý kiến của các doanh nghiệp lớn Thành phố Huế, các tác giả sẽ thu thập các thông tin liên quan đến hệ thống thông tin kế toán dựa trên nền máy vi tính từ đó đánh giá hiện trạng sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp này, phân tích việc tổ chức kiểm soát hệ thống kế toán trong điều kiện tin học hoá, chuẩn hoá các bước vận dụng phần mềm tại các doanh nghiệp lớn.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu kết hợp cả hai phương pháp là định tính và định lượng. Đối với phương pháp định lượng sẽ sử dụng các bảng hỏi để điều tra, từ đó suy luận được kết quả thống kê dựa trên mẫu điều tra. Để hạn chế các sai sót trong quá trình trả phỏng vấn, phương pháp định tính sẽ được sử dụng kết hợp. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể:

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Chúng tôi tiến hành tham khảo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán đang được áp dụng cho các doanh nghiệp lớn đặc biệt là Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006 và các tài liệu liên quan tới công nghệ thông tin để hệ thống hóa cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu thực tiễn.
- Phương pháp phỏng vấn, điều tra: Chúng tôi thiết kế bảng hỏi gồm 24 câu hỏi (xem Phụ lục) và tiến hành phỏng vấn trực tiếp 14 doanh nghiệp lớn trên địa bàn thành phố Huế để thu thập các thông tin về đặc điểm phần mềm kế toán sử dụng và đặc điểm tổ chức công tác kế toán của các doanh nghiệp này.
- Phương pháp xử lý số liệu: Chúng tôi sử dụng phần mềm thống kê SPSS, tuy nhiên với mục tiêu là nhận diện các nhân tố tác động tới việc tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa nên chủ yếu chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê mô tả.
- Phương pháp thảo luận nhóm: Nhóm nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành thảo luận cùng với một số kế toán trưởng trong số các doanh nghiệp được điều tra để bổ sung các thông tin liên quan tới các nhóm nhân tố mà nhóm tác giả đã xác định.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần đặt vấn đề và kết luận, nội dung và kết quả nghiên cứu của đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu

Chương 2: Các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng tin học trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện việc vận dụng tin học trong tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Phần II: NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chu o ng 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Khái niệm về doanh nghiệp lớn và phân loại doanh nghiệp

Hiện tại, chưa có quy định cụ thể tiêu chí về doanh nghiệp lớn, tuy nhiên theo Điều 3 của Nghị định Số 56/2009/NĐ-CP về định nghĩa doanh nghiệp vừa và nhỏ thì: "Doanh nghiệp nhỏ và vừa là cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, được chia thành ba cấp: siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy mô tổng nguồn vốn (tổng nguồn vốn tương đương tổng tài sản được xác định trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp) hoặc số lao động bình quân năm (tổng nguồn vốn là tiêu chí ưu tiên)". Cụ thể như sau:

- ***Doanh nghiệp siêu nhỏ***

  Số LĐ từ 10 người trở xuống

- ***Doanh nghiệp nhỏ***

  1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản: LĐ từ trên 10 người đến 200 người , vốn 20 tỷ đồng trở xuống

  2. Công nghiệp và xây dựng: LĐ từ trên 10 người đến 200 người, vốn 20 tỷ đồng trở xuống

  3. Thương mại và dịch vụ: LĐ từ trên 10 người đến 50 người, vốn 10 tỷ đồng trở xuống

- ***Doanh nghiệp vừa***

  1. Nông, lâm nghiệp và thủy sản: LĐ từ trên 200 người đến 300 người, vốn từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng

  2. Công nghiệp và xây dựng: LĐ từ trên 200 người đến 300 người, vốn từ trên 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng

  3. Thương mại và dịch vụ: LĐ từ trên 50 người đến 100 người, vốn từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng.

Qua đó có chúng ta có thể loại suy ra doanh nghiệp lớn là doanh nghiệp có số vốn trên 100 tỷ đồng đối với doanh nghiệp nông, lâm, thuỷ sản, công nghiệp và xây dựng; trên 50 tỷ đối với doanh nghiệp thương mại và dịch vụ.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

1.2. Tổ chức công tác kế toán

1.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Chất lu ợng của công tác kế toán phụ thuo c trực tiếp vào trình đọ , khả na ng thành thạo, đạo đức nghề nghiệ p và sự phân công, phân nhiệ m hợp lý giữa các nhân viên trong bọ máy kế toán, do vạ y, có thể nói rằng tổ chức bọ máy kế toán là mọ t trong những nọ i dung quan trọng hàng đầu trong tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệ p. Tổ chức bọ máy kế toán là tổ chức về nhân sự để thực hiệ n việ c thu thạ p, xử lý và cung cấp thông tin kế toán cho các đối tu ợng khác nhau [2]. Nọ i dung tổ chức bọ máy kế toán bao gồm việ c xác định số lu ợng nhân viên cần phải có; trách nhiệm của các nhân viên trong bộ máy kế toán. Đồng thời, việc tổ chức nhận sự trong bộ máy kế toán phải đảm bảo tính kiểm soát, giám sát qua lại lẫn nhau giữa các nhân viên.

Mô hình tổ chức kế toán của doanh nghiệ p đu ợc định hu ớng theo hai dạng đó là tổ chức kế toán tạ p trung và tổ chức kế toán phân tán. Tổ chức kế toán tạ p trung là việ c xử lý thông tin trong toàn doanh nghiệ p đu ợc thực hiệ n tạ p trung ở phòng kế toán, còn bọ phạ n và đo n vị phụ thuo c chỉ thực hiệ n việ c thu thạ p, phân loại và chuyển chứng từ cùng các báo cáo nghiệ p vụ về phòng kế toán xử lý và tổng hợp thông tin. Còn mô hình tổ chức kế toán phân tán là mô hình tổ chức có đạ c điểm công việ c kế toán đu ợc phân công cho các bọ phạ n và đo n vị phụ thuo c thực hiệ n mọ t phần hoạ c toàn bọ . Phòng kế toán chỉ thực hiệ n các công việ c đối với những nọ i dung phát sinh liên quan đến toàn doanh nghiệ p và kết hợp với báo cáo kế toán do các đo n vị trực thuo c gửi lên để tổng hợp và lạ p ra báo cáo chung cho toàn doanh nghiệ p theo quy định.

Bọ máy kế toán doanh nghiệ p thu nhạ n thông tin ban đầu và xử lý thông tin theo định hu ớng vừa tạo lạ p đu ợc thông tin kế toán tài chính, vừa tạo lạ p thông tin kế toán quản trị. Do đó, việ c xác lạ p co cấu bọ máy kế toán cần phải ca n cứ vào định hu ớng đó để phân công nhằm đạt đu ợc mục tiêu tạo lạ p và cung cấp thông tin cho nhiều đối tu ợng. Thông thu ờng co cấu bọ máy kế toán bao gồm đứng đầu là kế toán tru ởng, kế

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

đến là kế toán tổng hợp và các kế toán thực hiệ n các phần hành nhu kế toán lao đọ ng tiền lu o ng; kế toán tài sản cố định, công cụ, vạ t liệ u; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán thanh toán; kế toán thành phẩm, hàng hóa, tiêu thụ; kế toán xây dựng co bản; kế toán ở các phân xu ởng hoạ c các bọ phạ n sản xuất , ... Tuy nhiên, tùy vào quy mô hoạt đọ ng của doanh nghiệ p, số lu ợng nghiệ p vụ phải xử lý mà bố trí số lu ợng nhân viên kế toán phù hợp.

1.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán là tài liệ u gốc, có tính bằng chứng, tính pháp lý về mọ t nghiệ p vụ kinh tế đã phát sinh và thạ t sự hoàn thành là co sở gốc cho các ghi chép hạch toán của kế toán, chứng từ kế toán là nguồn dữ liệ u ban đầu mà kế toán sử dụng để qua đó tạo lạ p nên những thông tin có tính chất tổng hợp và hữu ích để phục vụ cho nhiều đối tu ợng khác nhau. Do đó, việ c tổ chức, vạ n dụng chế đọ chứng từ kế toán có ảnh hu ởng trực tiếp đến chất lu ợng thông tin của kế toán [2].

Chứng từ kế toán đu ợc lạ p ở nhiều bọ phạ n khác nhau trong doanh nghiệ p và cả bên ngoài doanh nghiệ p nên việ c thiết lạ p quy trình luân chuyển chứng từ về đến phòng kế toán trong thời gian ngắn nhất có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việ c đảm bảo kịp thời cho việ c kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin.

Bên cạnh những chứng từ có tính chất bắt buọ c theo quy định của Nhà Nu ớc còn có những chứng từ hoàn toàn mang tính chất nọ i bọ . Do vạ y, ca n cứ vào chế đọ kế toán và đạ c điểm hoạt đọ ng của doanh nghiệ p để lựa chọn, xác định những chứng từ cần sử dụng trong công tác kế toán [3].

1.2.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Tài khoản kế toán là mọ t phu o ng pháp đạ c thù, riêng có của kế toán, nó là mọ t trang sổ gồm có hai phần ở hai bên dùng để ghi chép và theo dõi những thay đổi trong các khoản mục của tài sản, nguồn hình thành tài sản, chi phí và doanh thu. Các nọ i dung co bản đu ợc quy định trong hệ thống tài khoản bao gồm loại tài khoản, tên gọi tài khoản, số lu ợng tài khoản,

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

số hiệ u tài khoản, công dụng và nọ i dung phản ánh vào từng tài khoản, mọ t số quan hệ đối ứng chủ yếu giữa các tài khoản có liên quan [4].

Hệ thống tài khoản kế toán thống nhất áp dụng trong doanh nghiệ p là mọ t mô hình phân loại đối tu ợng kế toán đu ợc Nhà nu ớc quy định để thực hiệ n việ c xử lý thông tin gắn liền với từng đối tu ợng kế toán nhằm phục vụ cho việ c tổng hợp và kiểm tra, kiểm soát. Hiệ n nay hệ thống tài khoản đu ợc quy định áp dụng cho các doanh nghiệ p là hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC hoạ c quyết định số 48/2006/QĐ-BTC cho các doanh nghiệ p vừa và nhỏ. *Tuy nhiên đề tài chỉ tập trung vào nghiên cứu để sử dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC.*

Hệ thống tài khoản đu ợc quy định áp dụng chung cho nhiều loại hình doanh nghiệ p khác nhau nên doanh nghiệ p cần phải ca n cứ vào đạ c điểm hoạt đọ ng, yêu cầu và khả na ng quản lý để lựa chọn các tài khoản phù hợp và sử dụng chúng đúng theo các quy định về ghi chép trong từng tài khoản, việ c xác định các tài khoản phải sử dụng là co sở để tổ chức hệ thống số kế toán tổng hợp và chi tiết nhằm xử lý thông tin phù hợp với yêu cầu quản lý.

1.2.4. Tổ chức sổ kế toán

Sổ kế toán là các loại sổ sách đạ c tru ng, chuyên dùng cho công tác hạch toán kế toán, trong các loại sổ thì có những loại sổ đu ợc mở theo quy định chung của Nhà nu ớc, có những loại sổ đu ợc mở theo yêu cầu và đạ c điểm quản lý của doanh nghiệ p. Để tổ chức hệ thống sổ kế toán phù hợp cần phải ca n cứ vào quy mô của doanh nghiệ p, đạ c điểm về tổ chức sản xuất và quản lý, đạ c điểm về đối tu ợng kế toán của doanh nghiệ p [4].

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC thì doanh nghiệ p có thể tổ chức hệ thống sổ kế toán theo mọ t trong các hình thức sau:

- Hình thức kế toán nhạ t ký – sổ cái
- Hình thức kế toán nhạ t ký chung
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhạ t ký – chứng từ

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Việc lựa chọn và sử dụng hình thức nào là do doanh nghiệp tự quyết định và phải tuân thủ nguyên tắc nhất quán.

1.2.5. Tổ chức lập báo cáo tài chính

Báo cáo kế toán là kết quả của công tác kế toán trong doanh nghiệp, là nguồn thông tin quan trọng cho các nhà quản trị của doanh nghiệp cũng như cho các đối tượng khác bên ngoài doanh nghiệp trong đó có cơ quan chức năng của Nhà nước. Báo cáo kế toán bao gồm hai phần hệ đó là hệ thống báo cáo tài chính và hệ thống báo cáo quản trị. Báo cáo tài chính bao gồm những báo cáo được Nhà nước quy định thống nhất mà doanh nghiệp có trách nhiệm lập và nộp theo đúng quy định. Hiện nay, báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bảng thuyết minh báo cáo tài chính. Còn báo cáo quản trị bao gồm các báo cáo được lập ra phục vụ cho yêu cầu quản lý doanh nghiệp, báo cáo quản trị không bắt buộc phải công khai, không có mẫu quy định sẵn và được lập sao cho đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

1.3. Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa

Để tìm hiểu việc tổ chức kế toán trong điều kiện tin học hoá, chúng ta sẽ tìm hiểu theo mô hình hoạt động ở trong hệ thống thông tin kế toán:

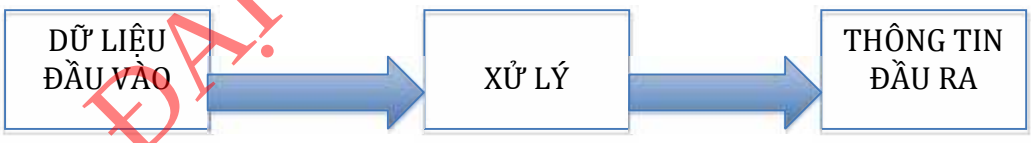

Sơ đồ 1.1. Mô hình xử lý thông tin trong hệ thống kế toán dựa trên nền máy vi tính [1]

1.3.1. Hệ thống dữ liệu đầu vào

Đầu vào của hệ thống kế toán dựa trên nền máy ví tính cũng giống như ở thủ công, chủ yếu bao gồm các chứng từ và các dữ liệu khác liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, có một số dữ liệu đầu vào có thể được in trực tiếp từ trong phần mềm hoặc các chứng từ, hoá đơn

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

điện tử [5]. Để thu thạ p đầy đủ dữ liệ u từ các nghiệ p vụ kinh tế phát sinh cho hệ thống thông tin kế toán, cần trả lời các câu hỏi sau:

- Những loại chứng từ nào hệ thống cần thu thạ p?
- Chứng từ cần thu thạ p đó là chứng từ bằng giấy, chứng từ điệ n từ hay cả hai?
- Chứng từ đó cần thu thạ p bao nhiêu liên?
- Thông tin gì đu ợc thể hiệ n trên chứng từ?

Ngoài ra, đầu vào của hệ thống kế toán dựa trên nền máy tính cũng có thể đu ợc nhạ n từ phân hệ khác hay du ới dạng tạ p tin điệ n tử.

Tùy theo quy mô hoạt đọ ng, đạ c điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý mà đo n vị kế toán sẽ xác định đầu vào cần thiết cho hệ thống thông tin kế toán nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý liên quan và tạo ra kho dữ liệ u toàn vẹn nhất.

1.3.2. Quá trình xử lý

Các công cụ đu ợc sử dụng trong quá trình xử lý dữ liệ u có thể bao gồm máy vi tính và các thiết bị khác. Bên cạnh đó, để xử lý dữ liệ u kế toán cần tổ chức áp dụng và thực hiệ n linh hoạt các phu o ng pháp ghi chép, hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán theo các quy định pháp lý của co quan Nhà nu ớc và yêu cầu quản lý của đo n vị kế toán [5]. Quá trình xử lý của hệ thống kế toán dựa trên nền máy ví tính được thực hiện tự động thông qua việc lập trình trên phần mềm kế toán nên đòi hỏi nhân viên kế toán phải có một sự am hiểu nhất định về các bước xử lý trên phần mềm, cách thức hoạt động để từ đó có thể cung cấp được các thông tin theo yêu cầu của nhà quản lý.

Các câu hỏi sau đây là cần thiết để trả lời nhằm hỗ trợ xác định những công cụ xử lý dữ liệ u cần thiết:

- Các công cụ xử lý nào nên đu ợc sử dụng trong hệ thống thông tin kế toán?
- Những công cụ này là thủ công, dựa trên nền máy vi tính hay kết hợp cả hai?
- Nếu các công cụ là dựa trên nền máy vi tính thì những gói phần

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

cứng và phần mềm nào cần đu ợc cài đạ t?

Với quá trình xử lý, các dữ liệ u đầu vào của hệ thống thông tin kế toán sẽ đu ợc phân loại, xắp xếp và hệ thống hóa nhằm phản ánh quá trình vạ n đọ ng, thay đổi của từng đối tu ợng kế toán trong đo n vị kế toán. Kết quả của quá trình xử lý dữ liệ u là tạo ra nguồn dữ liệ u cung cấp cho quá trình tổng hợp tạo thông tin đầu ra tu o ng ứng.

1.3.3. Hệ thống thông tin đầu ra

Đầu ra của hệ thống trong hầu hết các đo n vị kế toán bao gồm các báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị. Ngoài ra, tùy theo đạ c điểm kinh doanh, hệ thống xử lý bằng máy tính hay thủ công mà đầu ra của hệ thống thông tin kế toán có thể bao gồm các dạng khác nhu báo cáo thu ờng niên, sổ kế toán đu ợc in từ phần mềm, ... Các câu hỏi sau đây nên đu ợc trả lời nhằm xác định kết xuất đầu ra của hệ thống:

- Ngoài các báo cáo tài chính, những báo cáo nào khác là cần thiết cho nhà quản trị đo n vị và ngu ời sử dụng hệ thống?
- Hệ thống thông tin kế toán cần đu ợc thiết kế nhu thế nào để thuạ n lợi trong việ c cung cấp thông tin đầu ra?

Mục tiêu của hệ thống đầu ra là sử dụng nguồn dữ liệ u từ quá trình xử lý để tính toán, tổng hợp thành các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt đọ ng, ... trong đo n vị kế toán. Kết quả là nó tạo ra những sản phẩm theo mục tiêu đã đu ợc xác định và truyền tải đến các đối tu ợng sử dụng thông qua các phu o ng thức khác nhau.

Chất lu ợng thông tin đầu ra từ hệ thống thông tin kế toán đu ợc sử dụng làm ca n cứ đánh giá hie u quả và chất lu ợng của toàn hệ thống.

1.3.4. Hệ thống lưu trữ dữ liệu

Dữ liệ u đu ợc lu u trữ trong hệ thống thông tin kế toán có thể đu ợc lu u trữ cục bọ nhu trong sổ quỹ, trong các tạ p tin nghiệ p vụ hay lu u trữ die n rọ ng nhu trong mạng máy tính. Đối với hệ thống kế toán máy tính thì việc lưu trữ dữ liệu đóng vai trò hết sức quan trọng. Với đặc điểm dữ liệu trên máy tính dễ bị phá hoại và thâm nhập hơn so với kế toán thủ

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

công nên đây cũng là một yếu tố cần xem xét khi đánh giá.

Vấn đề lu u trữ dữ liệ u trong hệ thống thông tin kế toán cũng cần tuân thủ theo những quy định Pháp lý liên quan đến công tác kế toán và phù hợp với mục tiêu, yêu cầu quản lý riêng biệ t và mức độ chấp nhậ n rủi ro của từng đo n vị kế toán.

1.4. Các yếu tố cần thiết để tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa

1.4.1. Phần cứng

Phần cứng bao gồm các bọ phạ n điệ n tử, các bo mạch, các ngoại vi và các thiết bị khác tạo nên hệ thống máy tính. Phần cứng đu ợc sử dụng trong hệ thống thông tin kế toán trên nền máy vi tính cần đáp ứng các yêu cầu sau [1]:

- Phần cứng phải chạy đu ợc phần mềm dự định sử dụng.
- Tốc độ xử lý của CPU và dung lu ợng phù hợp với nhu cầu mong muốn.
- Dung lu ợng của thiết bị lu u trữ thứ cấp cần đáp ứng nhu cầu sử dụng.
- Hệ thống cần đáp ứng yêu cầu truyền đạt thông tin.
- Nên lựa chọn phần cứng với công nghệ mới nhất.
- Phần cứng phải luôn sẵn sàng để sử dụng.
- Hệ thống phải tu o ng thích với phần mềm và các thiết bị ngoại vi khác.
- Hệ thống cần đu ợc bảo hành và bảo đảm bởi nhà cung cấp.

1.4.2. Phần mềm

Phần mềm là chu o ng trình hệ thống, tiệ n ích hay ứng dụng đu ợc diễn đạt theo ngôn ngữ mà máy tính có thể đọc đu ợc.

Phần mềm sử dụng trong hệ thống thông tin kế toán trên nền máy vi tính cần đáp ứng các yêu cầu sau [3]:

- Phần mềm sử dụng trong hệ thống thông tin kế toán cần đáp ứng về điều kiệ n và tiêu chuẩn phần mềm kế toán đu ợc quy định trong

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

thông tu số 103/2005/TT-BTC.

- Gói phần mềm phải phù hợp với đa c điểm kỹ thuạ t yêu cầu.
- Những sự thay đổi chu o ng trình cần phù hợp với nhu cầu của đo n vị.
- Phần mềm cũng cần đáp ứng nhu cầu kiểm soát.
- Tốc đọ , tính chính xác và đọ tin cạ y của phần mềm cần đu ợc đáp ứng.
- Ngu ời sử dụng thỏa mãn đối với phần mềm.
- Gói phần mềm phải có tài liệ u hu ớng dẫn sử dụng tốt.
- Phần mềm cần tu o ng thích với các phần mềm hiệ n tại.
- Mức đọ thân thiệ n cao với ngu ời sử dụng.
- Tru ớc khi đu a vào sử dụng phần mềm cần đu ợc kiểm tra về mức đọ hoạt đọ ng.
- Phần mềm phải đu ợc bảo hành bởi nhà cung cấp.
- Yêu cầu về tính linh hoạt của phần mềm cần đu ợc đáp ứng.
- Yêu cầu truy cạ p phần mềm trực tuyến cũng có thể cần đáp ứng tùy theo yêu cầu.
- Nhà cung cấp phần mềm phải đáp ứng yêu cầu cạ p nhạ t liên tục.

1.4.3. Bộ máy và người làm kế toán

Tổ chức bọ máy kế toán là việ c lựa chọn hình thức tổ chức bọ máy kế toán, tuyển dụng nhân sự và bố trí nhân sự trong phòng kế toán. Bọ máy kế toán đu ợc tổ chức trong đo n vị cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với co cấu tổ chức quản lý bao gồm phù hợp với quy mô của đo n vị và các đo n vị trực thuọ c, co cấu bọ phạ n phòng ban và co cấu tổ chức bọ phạ n tài chính kế toán.
- Đáp ứng yêu cầu xử lý của khối lu ợng công việ c kế toán.
- Tinh gọn, chuyên môn hóa và đủ na ng lực hoàn thành công tác kế toán.
- Thích hợp và đáp ứng về đạ c điểm, định hu ớng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của đo n vị.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Cần chú ý rằng, với việc ứng dụng CNTT vào trong công tác kế toán, việc lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán không còn bị giới hạn theo quy mô, địa bàn hoạt động, khối lượng nghiệp vụ, trình độ nhân viên kế toán. Nếu một đơn vị có điều kiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tốt và có phần mềm kế toán / phần mềm ERP phù hợp, có thể truy xuất, cập nhật dữ liệu trên nền giao thức mạng, kiểm soát truy cập hệ thống tốt thì hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung vẫn có thể được áp dụng cho dù đơn vị có quy mô lớn, có nhiều đơn vị thành viên, khối lượng nghiệp vụ nhiều, địa bàn hoạt động rộng, ...hay đơn vị này có thể tổ chức bộ máy kế toán phân tán với mỗi đơn vị phụ thuộc có bộ máy kế toán riêng nhưng tổ chức xử lý dữ liệu tập trung tại đơn vị chính.

Việc tổ chức cơ cấu phòng kế toán tức là việc xây dựng các phần hành kế toán hay các bộ phận, các tổ kế toán và phân công nhiệm vụ cho từng phần hành có thể được thực hiện bằng những cách thức như : tiếp cận theo quá trình xử lý các đối tượng kế toán, tiếp cận theo chu trình kinh doanh hay kết hợp cả hai cách thức này. Tùy theo đặc điểm tổ chức, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý và kiểm soát mà đơn vị sẽ lựa chọn cách thức tổ chức cơ cấu phòng kế toán phù hợp.

Sau khi cơ cấu phòng kế toán được tổ chức, đơn vị cần phân công nhân sự cho từng phần hành. Nhân sự trong bộ phận kế toán cần đáp ứng các yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp; phải nắm vững, hiểu biết đầy đủ và tuân thủ luật pháp, chính sách chế độ kế toán và các quy định trong đơn vị. Nếu tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa, cần quan tâm đến kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, hiểu biết về các phần mềm ứng dụng thông thường. Đặc biệt cần chú ý trong lựa chọn kế toán trưởng bởi đây là người đứng đầu bộ máy kế toán theo các quy định của Luật kế toán và yêu cầu riêng của đơn vị.

1.5. Các nghiên cứu có liên quan

Tìm hiểu việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu tìm hiểu ở các khía cạnh khác nhau. Các

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

nghiên cứu mới đây có thể kể đến nghiên cứu của Nguyễn Văn Thông tìm hiểu về tổ chức kế toán trong điều kiện tin học hoá [6]. Tác giả đã tìm hiểu cách thức tổ chức kế toán với điều kiện có sử dụng phần mềm kế toán tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một số khu công nghiệp phía Nam. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp cho bộ máy kế toán của doanh nghiệp hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, còn có rất nhiều nhóm tác giả khác cũng đi sâu nghiên cứu về vấn đề này như Phạm Trà Lam [7].

Đối với các doanh nghiệp lớn, nhóm nghiên cứu chưa tìm thấy đề tài nào về việc tổ chức kế toán tại các doanh nghiệp lớn tại Việt Nam. Một số nghiên cứu có liên quan nhưng chỉ tập trung vào một số khía cạnh của phần mềm mà không nghiên cứu tổng quát. Trong năm 2011, tác giả Trần Thanh Thuý nghiên cứu tác động của phần mềm ERP đối với hệ thống kế toán của các doanh nghiệp Việt Nam [8] (Đây là một phần mềm giúp cho bộ phận kế toán liên kết với các bộ phận khác, cung cấp thông tin cho ban quản trị một cách nhanh chóng và đầy đủ.

Từ việc tìm hiểu các nghiên cứu trước đây, nhóm đã quyết định nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc tổ chức kế toán trong điều kiện tin học tại các doanh nghiệp lớn trên địa bàn thành phố Huế. Lý do nhóm chọn nghiên cứu các doanh nghiệp lớn là vì đa phần các doanh nghiệp này đang sử dụng phần mềm kế toán, phù hợp với mục đích nghiên cứu. Hơn nữa, các doanh nghiệp này có nhu cầu thông tin về báo cáo tài chính lẫn báo cáo quản trị rất cao. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải được tổ chức, sắp xếp các thành phần của bộ máy kế toán, cũng như các phần hành một cách khoa học, đảm bảo hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. Nhóm đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp và thông qua điện thoại dựa trên danh sách các doanh nghiệp lớn trên địa bàn thành phố Huế. Do có nhiều thuật ngữ chuyên ngành nên để đảm bảo tính chính xác của nghiên cứu, các câu hỏi được điều tra viên đặt câu hỏi, giải thích và ghi chép vào phiếu trả lời.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Chu o ng 2: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC VẬN DỤNG TIN HỌC TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LỚN Ở THÀNH PHỐ HUẾ

2.1. Giới thiệu tổng quát về tình hình hoạt động và quản lý trong doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

2.1.1. Vai trò của doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

Các doanh nghiệp lớn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của thành phố Huế nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng.

Biểu đồ 2.1. Tình hình tổng nguồn vốn và tổng doanh thu của một số doanh nghiệp tiêu biểu trong năm 2013

Qua biểu đồ trên cho ta thấy các doanh nghiệp lớn chiếm tỷ trọng cao trong tổng cơ cấu nền kinh tế trên địa bàn. Đặc biệt, công ty bia Huế là một doanh nghiệp đầu tàu của cả tỉnh Thừa Thiên Huế, có mức đóng góp ngân sách hàng năm chiếm từ 30-50% tổng thu ngân sách trên địa bàn (trước thời điểm bán lại cho Tập đoàn Carlsberg năm 2010 nộp ngân sách 850 tỷ đồng và năm 2011 là hơn 900 tỷ đồng).

Ngoài việc đóng góp lớn vào ngân sách địa phương, các doanh nghiệp này còn có tác động tích cực đến việc tạo công ăn việc làm cho con em trong

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

tỉnh. Số lượng lao động sử dụng trong các doanh nghiệp này thường rất lớn từ vài trăm đến hơn một nghìn lao động. Cá biệt, một số ngành đặc thù như xây dựng cần số lương lao động lớn thì số lượng có thể lên đến hơn 2000 người. Ví dụ, số lượng lao động trong năm 2013 tại công ty cổ phần xây lắp Thừa Thiên – Huế là 2.192 người.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động và quản lý của doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

Trong các doanh nghiệp lớn được điều tra thì chủ yếu là các công ty cổ phần, một số công ty là công ty con trực thuộc các công ty tập đoàn nhà nước và một doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. Các doanh nghiệp này có cơ cấu tổ chức tương đối phức tạp, một số công ty có nhiều công ty, xí nghiệp trực thuộc hạch toán độc lập nên phải thực hiện lập báo cáo hợp nhất. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức được một hế thống kế toán tốt để có thể cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho nhà quản trị ra quyết định quản lý.

Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh tập trung vào một số lĩnh vực có yêu cầu kỹ thuật cao, tạo ra doanh thu lớn như xây dựng, sản xuất, thương mại và dịch vụ. Các ngành này đòi hỏi phải có vốn đầu tư ban đầu lớn, máy móc thiết bị nhiều và các điều kiện kỹ thuật phức tạp.

Các doanh nghiệp lớp ở thành phố Huế hoạt động trong các lĩnh vực phải cạnh tranh cao với các công ty, tập đoàn lớn khác. Chẳng hạn như công ty Bia Huế phải thường xuyên chịu sự canh tranh của các công ty khác như công ty Bia Sài Gòn, Bia Hà Nội. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải có thông tin kịp thời để đưa ra các quyết định quản lý.

Các doanh nghiệp lớn có khả năng tài chính tương đối vững vàng, mức tài sản và doanh thu của các doanh nghiệp này thường từ vài chục đến vài trăm tỷ đồng.

Trình đồ quản lý và tổ chức của các doanh nghiệp lớn tại thành phố Huế cao, thường được đào tạo bài bản trong và ngoài nước. Ngoài ra, các doanh nghiệp này còn được niêm yết trên sàn OTC nên các thông tin báo cáo tài chính thường minh bạch, công khai. Việc tổ chức bộ máy kế toán cũng được quan

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

tâm, đầu tư các phần mềm chuyên nghiệp, có một số doanh nghiệp còn tổ chức hệ thống kiểm toán nội bộ tại doanh nghiệp mình.

Lực lượng lao động chính tại các doanh nghiệp này hầu hết có trình độ cao, trừ lực lượng sản xuất trực tiếp. Đội ngũ nhân viên kế toán được đào tạo chính quy nên có thể sử dụng và khai thác các phần mềm tại đơn vị một cách thành thạo.

Cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp này tương đối phức tạp, một số doanh nghiệp có cơ cấu tổ chức liên doanh liên kết với các công ty khác.

2.1.3. Các khó khăn và thách thức đối với doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

Với việc nền kinh tế Việt Nam ngày càng gia nhập mạnh mẽ vào thị trường thế giới, cơ hội mang lại cho các doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế là vô cùng lớn nhưng thách thức đặt ra cũng không hề nhỏ, đặc biệt tính cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh ngày càng khốc liệt.

Các doanh nghiệp lớn có quy mô đầu tư lớn, thời gian sinh lời chậm nên nếu như không được tạo điều kiện ưu đãi về thuế, cũng như các chính sách liên quan đến tín dụng thì sẽ rất khó khăn cho các doanh nghiệp này. Bên cạnh đó, bắt đầu từ cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế thế giới 2008 kéo dài cho đến hiện nay cùng với sự bất ổn về chính trị của nhiều quốc gia trên thế giới đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Điều này khiến hoạt động của các doanh nghiệp bị tác động xấu bởi các yếu tố bất ổn của lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, thuế, chính sách hỗ trợ của nhà nước, ... Chẳng hạn như trong những năm vừa qua, thị trường bất động sản đi xuống, kéo theo đó nhu cầu xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh giảm. Điều này đã tác động không nhỏ đến những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

2.2.1. Phạm vi và đối tượng khảo sát

Bảng câu hỏi được nhóm nghiên cứu phỏng vấn trực tiếp 14 doanh nghiệp (trong tổng số 23 doanh nghiệp lớn tính theo các tiêu chí ở phần cơ sở

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

lý luận) (**Xem phụ lục 1)**. Do đặc điểm các câu hỏi khảo sát có nội dung mang tính chuyên ngành cao nên để đảm bảo tính chính xác của nghiên cứu, nhóm đã hỏi trực tiếp các kế toán và giải thích các thuật ngữ này nếu như kế toán chưa hiểu rõ nội dung cần trả lời. Phần lớn các doanh nghiệp này là các doanh nghiệp thương mại, sản xuất, xây lắp và dịch vụ. Các phần mềm sử dụng tại các doanh nghiệp này hầu hết đều được sử dụng rộng rãi trên thị trường như Fast Accounting, Misa SME hay Bravo…

2.2.2. Kết quả khảo sát

a) Đánh giá về phần mềm kế toán sử dụng

Đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức kế toán thì 100% các doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế đều sử dụng các phần mềm kế toán chuyên nghiệp. Đặc biệt, một số doanh nghiệp đã nhận thấy được vai trò quan trọng của hệ thống thông tin kế toán nên đã đầu tư mua các giải pháp thông tin cho doanh nghiệp dựa trên nền tảng ERP (Enterprise Resource Planning). Đây là một giải pháp tiên tiến, giúp tích hợp sâu các công cụ quản trị thông tin trong doanh nghiệp chứ không chỉ dừng lại ở khía cạnh một phần mềm kế toán riêng biệt.

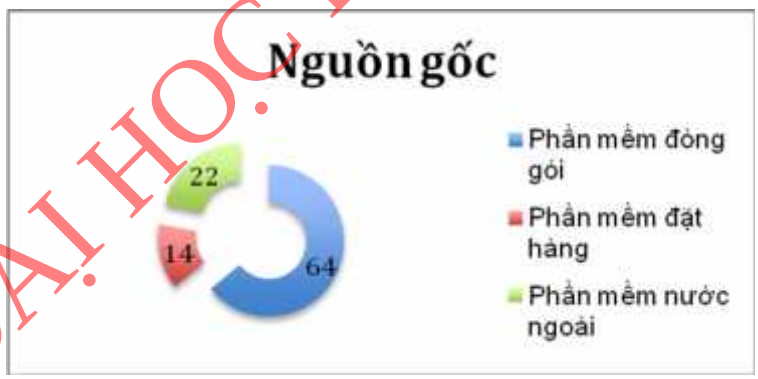

Biểu đồ 2.2. Nguồn gốc phần mềm kế toán

Qua biểu đồ chúng ta có thể thấy rằng phần lớn các doanh nghiệp đều lựa chọn phần mềm đóng gói sẵn để sử dụng. Điều này là do các phần mềm đóng gói có nhiều ưu điểm, phù hợp với nhiều loại hình doanh nghiệp. Các phần mềm đóng gói này thường được phát triển bởi các công ty có uy tín như FAST, MISA, trải qua một thời gian dài vận hành và nâng cấp tại nhiều loại hình doanh nghiệp khác nhau nên có mức độ an toàn và bảo mật cao hơn. Các phần

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

mềm này cũng thường xuyên nhận được sự hỗ trợ và nâng cấp từ phía công ty nên được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Tuy nhiên, các doanh nghiệp xây lắp và dịch vụ thường có các yêu cầu đặc thù riêng nên trong kết quả điều tra, có 14% phiếu (tương đương với 2 doanh nghiệp) lựa chọn phần mềm đặt hàng. Hai doanh nghiệp này đều là những doanh nghiệp có yêu cầu đặc thù mà các phần mềm kế toán hiện tại trên thị trường không đáp ứng được. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp có quy mô quá lớn, hoặc có vốn đầu tư nước ngoài thì lại lựa chọn các phần mềm kế toán nước ngoài, mà cụ thể là các giải pháp phần mềm ERP cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp.

Các phần mềm kế toán hiện nay không chỉ cung cấp các giải pháp cho hệ thống kế toán mà là một hệ thống thông tin chung cho toàn bộ doanh nghiệp. Các bộ phận khác trong doanh nghiệp có thể lấy thông tin từ phần mềm kế toán đồng thời có thể cung cấp các dữ liệu để kế toán xử lý. Chẳng hạn, đối với công ty xăng dầu Thừa Thiên Huế, sử dụng giải pháp SAP ERP để quản lý toàn bộ các nguồn lực trong công ty. Các bộ phận hành chính có thể trực tiếp cung cấp dữ liệu về số giờ công, số lao động trực tiếp trên phần mềm. Tuy nhiên, do bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố (sẽ được làm rõ hơn ở phần sau) mà có đến 64% doanh nghiệp được hỏi trả lời rằng chỉ sử dụng phần mềm kế toán tại bộ phận kế toán. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và chính xác giữa các bộ phận trong doanh nghiệp.

Không những thế, việc kết nối phần mềm kế toán với các phần mềm khác trong doanh nghiệp cũng là một vấn đề khó khăn. Hầu hết các phần mềm kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp lớn đều có khả năng kết nối với phần mềm hỗ trợ kê khai thuế (86%). Tuy nhiên, có 2 doanh nghiệp sử dụng phần mềm nhưng lại phải kết xuất ra excel để có thể nhập vào phần mềm hỗ trợ kê khai thuế do phần mềm kế toán của nước ngoài, không thể trực tiếp kết xuất ra đúng định dạng của phần mềm hỗ trợ kê khai. Điều này là một trong những khó khăn khi doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán của nước ngoài. Các phần mềm này thường rất ít tương thích với các phần mềm viết trong nước, trừ khi được việt hoá và chuyển đổi rất nhiều thì mới có thể sử dụng phổ biến được. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, chính những phần mềm kế toán nước ngoài này

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

lại có sự kết nối với các module phần mềm khác trong doanh nghiệp.

Về tính ổn định của phần mềm, theo kết quả khảo sát thì 100% phần mềm có mức độ ổn định tốt, trong đó có 10 doanh nghiệp cho rằng phần mềm của mình hoạt động ổn định, trong khi đó chỉ có 1 doanh nghiệp đánh giá ở mức vừa phải. Điều này là do các doanh nghiệp đã vận dụng phần mềm kế toán tương đối lâu, có đầy đủ các kiến thức để sử dụng và thao tác trên phần mềm một cách chính xác.

Biểu đồ 2.3: Mức độ tin cậy của phần mềm kế toán

Khi đu ợc hỏi về những báo cáo mà doanh nghiệ p phải làm, mức độ việ c kết hợp giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính, những khó kha n phát sinh liên quan đến việ c kết hợp này trong thực tế đu ợc các doanh nghiệ p trả lời nhu sau: 100% doanh nghiệ p trả lời là ngoài báo cáo tài chính họ phải làm báo cáo quản trị, những báo cáo quản trị mà họ phải làm là báo cáo phân tích doanh số , báo cáo kết quả kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh, , báo cáo so sách chi phí giữa ngân sách, thực tế và kế hoạch, báo cáo theo từng trung tâm chi phí; có đến 100% doanh nghiệ p trả lời là phần mềm kế toán có hổ trợ trong việ c làm báo cáo tài chính và báo cáo quản trị, để tổ chức đu ợc việ c ứng dụng phần mềm cho việ c lạ p báo cáo tài chính và báo cáo quản trị thì có 74% câu trả lời là kết hợp xây dựng tài khoản kế toán với việ c xây dựng các danh mục trung tâm chi phí, ...; 56% là khó kha n về nhân lực chu a đáp ứng đu ợc yêu cầu, 74% là khó kha n do công tác nhạ p liệ u ban đầu quá chi tiết, 44% lá khó kha n khi xác định tiêu thức phân bổ cho những chi phí chung, 23% là khó kha n do thông tin cạ p nhạ t chu a kịp thời; có đến 70% câu trả lời là chỉ có mọ t số báo cáo quản trị lấy

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

đu ợc từ phần mềm kế toán và hầu hết các báo cáo quản trị phải làm bằng excel ....

Khi đu ợc hỏi về chất lu ợng báo cáo mà phần mềm kế toán cung cấp, có đến 80% câu trả lời là rất tốt cho báo cáo tài chính (có thể lập đầy đủ các báo cáo tài chính theo mọi hình thức ghi sổ, 100% cầu trả lời là các phần mềm có khả năng lập báo cáo quản trị. Tuy nhiên, các báo cáo quản trị được lập từ phần mềm lại chiếm số ít, một số công ty tiến hành lập báo cáo quản trị bằng cách sử dụng excel. Khi được hỏi về tính bảo mật của phần mềm, 100% đều đánh giá các phần mềm này đều bảo mật cao và rất cao.

Trong kết quả khảo sát có đến 93% doanh nghiệ p cho rằng họ nhận được sự hỗ trợ của công ty cung cấp phần mềm thường xuyên, trong khi đó chỉ có 1 đơn vị trả lời không (do phần mềm không còn được phát triển nữa).

b) Đánh giá về tổ chức kế toán trong điều kiện tin học hoá

Hầu hết các doanh nghiệp khi tổ chức công tác kế toán thì chưa quan tâm đến việc xác định nhu cầu thông tin của bộ phận quản lý để đưa ra cách thức tổ chức hệ thống kế toán cho phù hợp. Có đến hơn 80% các doanh nghiệp được hỏi không có các tài liệu mô tả nhu cầu thông tin, chỉ có xây dựng hệ thống công việc dựa trên kinh nghiệm của cá nhân. Việc tổ chức đánh giá lại hiệu quả công việc của bộ phận kế toán cũng ít được quan tâm. Những thay đổi trong công tác kế toàn phần lớn đến từ việc yêu cầu của nhà quản lý (80%), hoặc khi có thay đổi nhân sự (50%). Việc định kỳ đánh giá chỉ được thực hiện tại một đơn vị. Đây là doanh nghiệp có vốn đầu từ nước ngoài nên được tổ chức, xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Đối với hệ thống tài khoản, các doanh nghiệp vẫn chịu ảnh hưởng của việc thực hiện kế toán thủ công nên việc tổ chức hệ thống danh mục vẫn chưa được áp dụng nhiều. Có đến 40% doanh nghiệp được hỏi vẫn tổ chức hệ thống tài khoản theo phương pháp truyền thống, tức là cần quản lý cho đối tượng nào thì sẽ tiến hành mở các tiểu khoản cho các đối tượng đó. Một số doanh nghiệp có vận dụng hệ thống danh mục trong phần mềm nhưng lại không tổ chức tốt bảng mã danh mục, dẫn đến khó khăn trong việc tìm kiếm các đối tượng cũng như việc thêm bớt các đối tượng này.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Đối với hệ thống chứng từ, sổ sách thì hầu hết các doanh nghiệp đều đánh giá cao. Các phần mềm đều có thể tuỳ biến, cung cấp các chứng từ, sổ sách phù hợp với nhu cầu thông tin của doanh nghiệp. Các chứng từ khi nhập vào phần mềm đều có sự kiểm tra, đối chiếu, so sánh với các chứng từ liên quan khác (100% doanh nghiệp đều thực hiện). Điều này rất quan trọng đối với việc tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hoá. Các phần mềm xử lý dựa trên thông tin đầu vào do người dùng nhập liệu, nếu như không có sự kiểm tra sẽ dẫn đến sự sai sót, trùng lắp dữ liệu. Chính vì làm tốt điều này mà toàn bộ các doanh nghiệp khảo sát không có hiện tượng "chứng từ trùng". Đây là một sai sót khá phổ biến khi tiến hành nhập liệu trên phần mềm. Một nghiệp vụ khi phát sinh thì có thể có nhiều chứng từ, nếu kế toán không phân loại, lựa chọn chứng từ để nhập liệu thì có thể một nghiệp vụ sẽ bị nhập làm nhiều lần. Một vấn đề nữa có liên quan đến việc tổ chức chứng từ trong điều kiện sử dụng phần mềm đó là giá trị pháp lý của các chứng từ, sổ sách in từ phần mềm ra. 100% doanh nghiệp được hỏi đều thực hiện đầy đủ việc ký tên, xét duyệt các chứng từ này.

Đối với việc cung cấp thông tin đầu ra thì tổ chức kế toán dựa trên nền máy ví tính chứng tỏ sự ưu việt của mình so với kế toán thủ công khi hầu hết các doanh nghiệp đều hài lòng với chất lượng thông tin mà hệ thống kế toán của mình cung cấp (93% đánh giá cao và rất cao). Không những vậy, thời gian cung cấp báo cáo tài chính cũng được đánh giá là nhanh (80%).

Khi được hỏi về những khó kha n mà các doanh nghiệ p thu ờng gạ p phải khi tổ chức công tác kế toán trong điều kiệ n tin học hóa có đến 57% cho rằng đọ i ngũ nhân lực còn hạn chế. 100% các doanh nghiệp có sử dụng phần mềm kế toán nước ngoài đều đưa ra nhận định này. Điều này chứng tỏ nguồn nhân lực ở doanh nghiệp chưa theo kịp với sự phát triển của phần mềm. Một số doanh nghiệp còn nêu khó khăn do phần mềm mà công ty lựa chọn không còn được phát triển nữa nên doanh nghiệp không nhận được sự hỗ trợ cần thiết. Ngoài ra, một số phần mềm có thời gian triển khai tương đối lâu, không phù hợp với doanh nghiệp.

Tất cả các doanh nghiệp đều nhận thấy được tầm quan trọng của phần

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

mềm kế toán trong công tác tổ chức kế toán.

2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng tin học trong tổ chức kế toán

2.3.1. Đánh giá sự liên hệ giữa tổ chức kế toán và công nghệ thông tin

Hiệ n nay, nhìn chung, do mức đọ ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán có sự khác nhau ở các doanh nghiệ p Việ t Nam nên công tác tổ chức kế toán trong điều kiệ n tin học hóa cũng có sự khác nhau ở các doanh nghiệ p.

Có những doanh nghiệ p mức đọ dụng công nghệ thông tin chỉ ở cấp đọ phạm vi nọ i bọ phòng kế toán và chủ yếu là phục vụ cho yêu cầu báo cáo tài chính của doanh nghiệ p, yêu cầu về báo cáo quản trị doanh nghiệ p chu a đòi hỏi nhiều. Đối với những doanh nghiệ p này, công tác tổ chức kế toán tu o ng đối đo n giản. Cụ thể là trên co sở phần mềm kế toán có sẵn, ngu ời tổ chức công tác kế toán tiến hành các danh mục đối tu ợng kế toán, xây dựng hệ thống tài khoản, xây dựng hệ thống chứng từ, lựa chọn hình thức kế toán, lạ p các báo cáo đạ c thù .... và tổ chức vạ n hành hệ thống kế toán. Đối với những công việ c tổ chức trên do yêu cầu cung cấp thông tin của hệ thống kế toán chủ yếu là nhằm cho mục tiêu báo cáo tài chính nên công tác tổ chức vạ n dụng hệ thống tài khoản kế toán đu ợc quan tâm chú trọng nhiều nhất. Đối với những doanh nghiệ p này, hệ thống tài khoản theo quy định hiệ n hành sẽ đu ợc áp dụng triệ t để và trên co sở hệ thống tài khoản này, ngu ời tổ chức công tác kế toán tiến hành thiết lạ p thêm mọ t số tài khoản cấp 3, cấp 4 để phân loại những chi phí phát sinh mà doanh nghiệ p cần quan tâm và yêu cầu cần cung cấp. Đối với việ c xây dựng các doanh mục kế toán, do đa số các phần mềm kế toán hiệ n nay đều yêu cầu cần thiết lạ p nhu danh mục đối tu ợng khách hàng, danh mục đối tu ợng nhà cung cấp, danh mục tài sản cố định, công cụ dụng cụ, hàng tồn kho ... nên những doanh nghiệ p này cũng tiến hành xây dựng từ việ c tổng hợp đến chi tiết nhu ng việ c xây dựng chu a nhất quán, chu a thể hiệ n đu ợc tính khoa học và đôi khi, ngu ời tổ chức công tác kế toán xây dựng các danh mục này với hệ thống mã mang tính chất gợi nhớ để dễ dàng cho công tác nhạ p liệ u. Công

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

tác tổ chức kế toán theo mô hình này thu ờng xảy ra ở những doanh nghiệ p có quy mô vừa và nhỏ hoạ c những doanh nghiệ p mới thành lạ p, nghiệ p vụ kinh tế phát sinh ít hoạ c đối với những doanh nghiệ p mà hệ thống thông tin kế toán chỉ mục đích duy nhất là đối phó với co quan bên ngoài. Nhìn chung hệ thống kế toán tổ chức đo n giản nhu thế này thì rất dễ dàng sử dụng cho ngu ời làm công tác kế toán, tuy nhiên nếu đến mọ t lúc nào đó, nhà quản lý yêu cầu cung cấp mọ t số thông tin liên quan đến tình hình hoạt đọ ng kinh doanh thì hệ thống này sẽ gạ p rất nhiều khó kha n và thạ m chí không thể cung cấp đu ợc. Vấn đề gạ p khó kha n này cũng thu ờng gạ p phải đối với những doanh nghiệ p có quy mô phát triển nhanh, lúc đầu khi quy mô hoạt đọ ng nhỏ, mức đọ yêu cầu cung cấp thông tin cho việ c quản lý còn ít, đo n giản thì có thể đảm bảo đu ợc cho việ c cung cấp đu ợc thông tin do nghiệ p vụ phát sinh ít nhu ng phát triển đến mọ t lúc thì hệ thống này sẽ không thể thích ứng đu ợc và có thể sẽ phải dẫn đến việ c xây dựng lại mọ t hệ thống kế toán mới.

Hiệ n nay, ngày càng có rất nhiều doanh nghiệ p đã tiến hành tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nói chung và kế toán nói riêng khá sâu rọ ng. Đối với những doanh nghiệ p này, công tác kế toán ngoài việ c phải cung cấp thông tin đầy đủ cho kế toán tài chính thì việ c cung cấp thông tin cho kế toán quản trị cũng đu ợc chú trọng nhiều ho n. Do vạ y, công tác tổ chức kế toán của những doanh nghiệ p này đu ợc tổ chức chạ t chẽ ho n. Ngu ời đứng đầu trong công tác tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệ p này thu ờng là những ngu ời giỏi, hiểu biết về tin học quản lý và có khả na ng tổ chức vạ n hành hệ thống tốt. Trong công tác tổ chức kế toán, tru ớc tiên việ c xác định yêu cầu thông tin đã đu ợc nghiên cứu kỹ ho n, công tác phân tích khả na ng ảnh hu ởng của những nhân tố chi phối đến công tác kế toán hiệ n tại và tu o ng lai đu ợc chú trọng nhiều. Hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bọ Tài Chính hiệ n hành (Hiệ n tại kế toán Việ t Nam đang áp dụng hệ thống tài khoản theo QĐ15) đu ợc nghiên cứu kỹ và phát triển ứng dụng phù hợp vào tình hình hoạt đọ ng kinh doanh của doanh nghiệ p. Bên cạnh đó, việ c xây dựng các

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

danh mục đối tu ợng rất đu ợc quan tâm và đạ t lên hàng đầu. Từ việ c xây dựng danh mục tài khoản hàng tồn kho, danh mục đối tu ợng khách hàng, danh mục đối tu ợng nhà cung cấp .... đến danh mục phòng ban, sản phẩm .... đều đu ợc xây dựng mọ t cách khá khoa học. Tính khoa học này đu ợc thể hiệ n ở chổ các danh mục kế toán đu ợc xây dựng không những mang tính dễ dàng, thuạ n tiệ n cho công tác nhạ p liệ u mà còn đu ợc xây dựng để đáp ứng cho nhu cầu phân tích của kế toán quản trị. Ví dụ: mã khách hàng đã đu ợc doanh nghiệ p quan tâm để có thể phân tích doanh số, ... theo từng khu vực bán hàng. Có những doanh nghiệ p xây dựng 4 ký tự nhu ng cũng có những doanh nghiệ p sử dụng nhiều ho n tùy theo tình hình hoạt độ ng của mỗi doanh nghiệ p nhu ng mỗi ký tự trong hệ thống mã các danh mục đều mang những ý nghĩa phân tích riêng. Và khi nhà quản lý yêu cầu cung cấp thông tin thì ca n cứ vào những chỉ tiêu phân tích này, ngu ời tổ chức công tác kế toán sẽ thiết kế mẫu báo cáo đạ c thù. Nhìn chung, đối với những doanh nghiệ p này, công tác tổ chức kế toán khá tốt. Ngu ời nhạ p liệ u phải tiến hành nhạ p liệ u với chi tiết rất nhiều theo các chỉ tiêu phân tích để đáp ứng yêu cầu quản lý và yêu cầu cung cấp thông tin. Tuy nhiên, do mọ t số khó kha n trong việ c tổ chức công tác kế toán khi kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị nên đôi khi có rất nhiều dữ liệ u không thể nhạ p chi tiết hết theo yêu cầu quản lý. Những dữ liệ u không thể đu ợc nhạ p chi tiết theo yêu cầu thu ờng là những chi phí chung phục vụ cho rất nhiều đối tu ợng phân tích và thu ờng những chi phí này phải xác định tiêu thức phân bổ để xác định chi phí phục vụ cho từng đối tu ợng. Chính vì những khó kha n này mà mọ t số những doanh nghiệ p đã chọn giải pháp kết hợp giữa phần mềm kế toán và excel để làm các báo cáo quản trị. Các báo cáo quản trị mà doanh nghiệ p thu ờng phải dùng cách này là những báo cáo liên quan đến chi phí, báo cáo kết quả kinh doanh theo từng lĩnh vực kinh doanh, từng sản phẩm ..... Việ c kết hợp giữa excel và phần mềm kế toán để lạ p báo cáo quản trị thể hiệ n ở chỗ, kế toán truy xuất dữ liệ u thô từ phần mềm kế toán du ới dạng file excel và từ file excel này kế toán quản trị tiến hành các công tác tiếp theo trong việ c lạ p báo cáo theo yêu cầu quản lý và hiệ n nay, có

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

rất nhiều doanh nghiệ p làm báo cáo quản trị dùng phu o ng pháp này.

Phát triển cao ho n của việ c ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nói chung và kế toán nói riêng là mọ t số những doanh nghiệ p đã từng bu ớc khắc phục những khó kha n trong công tác kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, giảm thiểu đu ợc những báo cáo phải làm từ excel và thay vào đó là những báo cáo đạ c thù đu ợc thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán, đồng thời ứng dụng internet trong việ c chuyển tải thông tin đến những ngu ời quản lý. Những ngu ời quản lý đu ợc cấp quyền sẽ truy cạ p đu ợc báo cáo mọi lúc và bất cứ những no i nào có kết nối đu ợc internet. Nhu ng những doanh nghiệ p tổ chức đu ợc công tác này hiệ n nay cũng rất ít.

Bên cạnh đó, hiệ n nay mọ t số những doanh nghiệ p lớn đã hu ớng đến việ c sử dụng hệ thống quản lý ERP vào công tác quản lý. ERP là tên viết tắt của cụm từ tiếng Anh Enterprise Resource Planning và tiếng Việ t có nghĩa là hoạch định tài nguyên doanh nghiệ p, đó là mọ t hệ thống dùng để hoạch định nguồn tài nguyên trong mọ t tổ chức, mọ t doanh nghiệ p. Mọ t hệ thống ERP điển hình là nó bao hàm tất cả những chức na ng co bản của mọ t tổ chức, tổ chức đó có thể là doanh nghiệ p, tổ chức phi lợi nhuậ n hay tổ chức Chính Phủ v.v. Phần mềm ERP tích hợp tất cả những chức na ng chung của mọ t tổ chức vào trong mọ t hệ thống duy nhất. Thay vì phải sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm nhân sự- tiền lu o ng, quản trị sản xuất ... song song, đọ c lạ p lẫn nhau thì ERP gom chung tất cả vào chung mọ t gói phần mềm duy nhất mà giữa các chức na ng đó có sự liên thông với nhau. Điều này cho phép các nhân viên ở các bọ phậ n khác nhau có thể cùng truy cạ p tới các nọ i dung của công ty, tổ chức của mình theo mọ t quyền truy cạ p thông tin đu ợc xác định tru ớc bởi ngu ời quản trị hệ thống. Ứng dụng ERP là công cụ quan trọng để doanh nghiệ p nâng cao na ng lực cạnh tranh, đồng thời nó giúp cho doanh nghiệ p tiếp cậ n tốt với các tiêu chuẩn quốc tế. Tuy nhiên việ c ứng dụng ERP không phải dễ dàng và đòi hỏi nhiều điều kiệ n để có thể ứng dụng thành công nhu : nhậ n thức và quyết tâm cao của lãnh đạo doanh nghiệ p; cần xác định đúng đắn các mục

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

tiêu phạm vi và các bu ớc triển khai; lựa chọn giải pháp phù hợp; lựa chọn đối tác triển khai đúng; phối hợp tốt với đối tác triển khai trong quá trình thực hiệ n dự án; sẵn sàng thay đổi những quy trình bất hợp lý hiệ n hữu trong mọ t doanh nghiệ p; chú trọng đào tạo nhân viên theo các quy trình mới; chú trọng công tác đào tạo nhân viên mọi cấp; có nhân viên chuyên trách tiếp thu và quản lý hệ thống .... Chính vì những điều kiệ n cần và đủ này mà hiệ n nay tại Việ t Nam việ c ứng dụng mọ t phần mềm ERP vào công tác quản lý nhìn chung khả na ng thành công còn rất khiêm tốn.

2.3.2. Nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng tin học trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế

(1) Nhóm nhân tố tác động tới việ c lựa chọn phần mềm kế toán

Trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán khác nhau để cho ngu ời sử dụng lựa chọn, thế nhu ng tru ớc khi chọn lựa mọ t phần mềm sử dụng cho doanh nghiệ p ngu ời có yêu cầu lại rất ba n khoa n không biết lựa chọn phần mềm nào để phù hợp với nhu cầu kinh doanh hiệ n tại và tu o ng lai của doanh nghiệ p.

Đầu tiên là do với khoản ngân sách đu ợc duyệ t yêu cầu phải chọn mua đu ợc mọ t phần mềm đảm bảo phù hợp. Điều này rất khó đối với ngu ời quyết định chọn lựa phần mềm, có những nhà cung cấp phần mềm khi đu ợc mời đến giới thiệ u phần mềm nắm đu ợc giới hạn ngân sách này mà chào giá cạnh tranh bên cạnh việ c chuẩn bị kỹ lu ỡng kỹ thuậ t thuyết trình để dễ dàng thuyết phục doanh nghiệ p lựa chọn phần mềm của họ. Có những phần mềm chất lu ợng không đu ợc tốt nhu ng kỹ na ng thuyết trình tốt và việ c chào giá hợp lý đã khiến cho nhiều doanh nghiệ p lựa chọn đã phải hối hậ n với quyết định của mình, bởi lẻ nhiều doanh nghiệ p lầm tu ởng là chi phí họ bỏ ra ít lại có đu ợc sản phẩm mà họ cần nhu ng đến khi triển khai ứng dụng trong mọ t thời gian ngắn rồi cảm thấy không phù hợp, phải nâng cấp hoạ c đôi khi phải thay thế phần mềm khác làm cho chi phí ta ng lên rất nhiều so với ban đầu.

Thứ hai, khi lựa chọn phần mềm là phần mềm phải phù hợp với đặ c tính kỹ thuậ t với yêu cầu kỹ thuậ t của công ty. Nếu không nghiên cứu kỹ

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

vấn đề này khi lựa chọn phần mềm sẽ gặp phải những khó khăn trong quá trình cài đặt, bảo trì hệ thống.

Thứ ba, khi lựa chọn phần mềm kế toán là đòi hỏi phần mềm kế toán dễ sử dụng phù hợp với trình độ nhân viên hiện có của doanh nghiệp, nếu chọn mua một phần mềm tốt nhưng những yêu cầu về việc quy trình xử lý nghiệp vụ quá khó đối với trình độ nhân viên hiện tại thì rất khó có thể triển khai thành công hệ thống kế toán.

Thứ tư, doanh nghiệp khi lựa chọn phần mềm kế toán phải lựa chọn được nhà cung cấp có dịch vụ tư vấn hỗ trợ triển khai hệ thống tốt cũng như việc dịch vụ hỗ trợ tốt cho quá trình vận hành hệ thống sau này.

(2) Nhóm nhân tố tác động tới nhập liệu và xử lý thông tin đáp ứng việc kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị

Việc phân bổ chi phí là một trong những khó khăn lớn nhất trong việc kết hợp thông tin giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, phân bổ chi phí ở đây không phải nói đến việc một chi phí phát sinh được phân bổ trong thời gian bao lâu mà là khó khăn trong việc xác định tiêu thức phân bổ chi phí hợp lý cho những khoản chi phí chung phục vụ cho nhiều bộ phận liên quan, nhiều sản phẩm, dịch vụ khác .... Nếu việc phân bổ chi phí không chính xác hoặc không hợp lý sẽ dẫn đến việc thông tin kế toán quản trị cung cấp không phản ánh đúng thực tế chi phí phát sinh của bộ phận, hoặc sản phẩm dịch vụ cung cấp, từ đó ảnh hưởng đến những quyết định chiến lược trong kinh doanh. Mặc khác, nếu khó khăn này không được giải quyết triệt để sẽ dẫn đến khó khăn cho công tác tổ chức nhập liệu ban đầu, từ đó ảnh hưởng đáng kể đến việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ và nhanh chóng theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Yêu cầu về việc cung cấp thông tin nhanh chóng, kịp thời và đầy đủ của kế toán quản trị hiện nay ở các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Khó khăn đầu tiên là khó khăn được phân tích ở trên phát sinh từ việc lựa chọn tiêu thức phân bổ cho những chi phí chung. Thông thường, đối với những chi phí này, kế toán nhập liệu trước tiên sẽ hạch toán vào các tài khoản kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán quy định

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

để phục vụ cho mục đích báo cáo tài chính. Song song đó, kế toán nhạ p liệ u sẽ hạch toán vào khoản mục chi phí chung đu ợc thiết kế sẵn trên màn hình nhạ p liệ u. Khoản mục chi phí này sẽ đu ợc kế toán quản trị phân bổ theo tiêu thức mà lãnh đạo doanh nghiệ p cho rằng là hợp lý. Khó kha n thứ hai là do chứng từ luân chuyển về phòng kế toán không kịp thời. Vấn đề này xảy ra do rất nhiều nguyên nhân. Có thể là do tính chất đạ c thù của chi phí phát sinh. Có những chi phí phát sinh là xác định đu ợc ngay nhu chi phí va n phòng phẩm mua sử dụng ngay, chi phí thuê cọ ng tác viên làm chu o ng trình hoạt đọ ng marketing ... nhu ng có những chi phí phát sinh đến cuối tháng mới biết đu ợc con số cụ thể nhu chi phí đu ờng truyền đối với những công ty cung cấp những dịch vụ trực tuyến ....Chính vì tính chất đạ c thù này mà thông thu ờng đến cuối tháng kế toán mới tiến hành ghi nhạ n và hạch toán vào hệ thống. Lý do thứ ba là vấn đề luân chuyển chứng từ nọ i bọ chạ m từ khâu tạ p hợp chứng từ, làm đề nghị thanh toán và đến khâu xét duyệ t. Và mọ t số lý do khác có thể xảy ra nhu thông tin trên chứng từ không đầy đủ cho việ c nhạ p liệ u dẫn đến nhiều tru ờng hợp bị sai sót ...

Khó kha n khi cập nhật các thông tin thay đổi theo yêu cầu quản lý gạ p phải thu ờng là do công tác tổ chức hệ thống thông tin trong doanh nghiệ p chu a tốt dẫn đến việ c nhân viên làm công việ c ghi nhạ n và xử lý dữ liệ u ban đầu không đu ợc cạ p nhạ t và ảnh hu ởng đến công tác nhạ p liệ u từ đó ảnh hu ởng đến công tác cung cấp thông tin kịp thời cho kế toán quản trị. Ví dụ nhu trong mọ t doanh nghiệ p có nhiều phòng ban, yêu cầu quản lý là phải hạch toán đu ợc chí phí phát sinh theo từng phòng ban. Trong quá trình hoạt đọ ng, những phòng ban có thể đu ợc sát nhạ p, thay đổi. Những thay đổi này nếu nhu không thông tin kịp thời đến những ngu ời làm công tác nhạ p liệ u ban đầu thì chắc chắn kết quả thông tin cung cấp sẽ không phản ánh đu ợc chất lu ợng nhu mong đợi, mọ t nguyên nhân nữa có thể xảy ra dẫn đến việ c cạ p nhạ t những thông tin không kịp thời đó là vấn đề bảo mạ t thông tin mà chính vì việ c bảo mạ t thông tin này mà đôi khi những ngu ời tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệ p cũng không biết

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

đu ợc và rất dễ dàng dẫn đến vie c không có những thay đổi kịp thời trên hệ thống hoạ c những quy trình xử lý nghie p vụ liên quan, khi nghie p vụ kinh tế phát sinh, ngu ời làm công tác kế toán rất bị đọ ng và đôi khi cần phải mất nhiều thời gian để xứ lý. Vấn đề này gạ p phải rất nhiều ở những doanh nghie p hie n nay đạ c bie t là những doanh nghie p kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề có tính cạnh tranh cao.

Mọ t số những nghie p vụ kinh tế phát sinh xảy ra nhu ng đối với kế toán tài chính thì ghi nhạ n là tài sản cố định, chi phí chờ phân bổ, ... Nhu ng đối với kế toán quản trị thì đó là những chi phí phát sinh trong kỳ và phải theo dõi nhu là những khoản chi phí để cấn trừ vào ngân sách. Đây là mọ t trong những khó kha n mà khi làm công tác tổ chức hệ thống kế toán ngu ời tổ chức phải đạ c bie t quan tâm vì nếu không khéo sẽ dẫn đến thông tin kế toán quản trị cung cấp có thể bị trùng lắp, lý do là báo cáo kế toán quản trị cũng ca n cứ vào báo cáo hoạt đọ ng kinh doanh của báo cáo tài chính, mà những chí phí phát sinh trên báo cáo này đu ợc tạ p hợp từ nhiều phân hệ nhu chi phí phát sinh trực tiếp hạch toán vào các khoản mục chi phí trong kỳ, chi phí phân bổ đu ợc phân bổ trong kỳ, chi phí khấu hao đu ợc phân bổ trong kỳ, chi phí giá vốn hàng bán .... Nhu ng do những yêu cầu quản lý đôi khi những chi phí phát sinh liên quan đến các khoản chi phí phân bổ, mua sắm tài sản đã đu ợc hạch toán vào chi phí hoạt đọ ng trong kỳ. Do vạ y khi lấy thông tin từ báo cáo tài chính, kế toán quản trị sẽ phải loại trừ những khoản mục đu ợc đề cạ p ở trên để tránh đu ợc những sự trùng lắp của chi phí và đây là mọ t trong những vấn đề thạ t sự khó kha n trong công tác tổ chức hệ thống kế toán đáp ứng đu ợc yêu cầu cho mục đích báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

(3) Nhóm nhân tố liên quan tới môi trường pháp lý

Khi tổ chức công tác kế toán trong điều kie n tin học hóa, hầu hết những nghie p vụ xử lý trong phần mềm kế toán đều tuân thủ theo những quy định theo quy trình quản lý thống nhất. Tuy nhiên, trong thực tế khi vạ n hành có những tru ờng hợp phát sinh ngoài dự kiến hoạ c theo những đạ c thù riêng của doanh nghie p mà những nghie p vụ này không tuân thủ theo những quy

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

trình đã đạ t ra. Trong những tru ờng hợp phát sinh ngoài dự kiến, đôi khi vì yêu cầu công việ c cần thiết phải làm mà các cấp lãnh đạo đồng ý xét duyệ t không theo quy trình quản lý thống nhất Trong những tru ờng hợp này, công tác vạ n hành hệ thống sẽ gạ p rất hiều khó kha n đạ c biệ t là những doanh nghiệ p ứng dụng ERP vào trong công tác quản lý. Những tình huống này nếu xảy ra thu ờng xuyên chắc chắn sẽ dẫn đến việ c không thể triển khai thành công hệ thống quản lý nói chung và công tác tổ chức kế toán nói riêng và mọ t trong những minh chứng cho vấn đề này thu ờng xuyên xảy ra thu ờng liên quan đến việ c phân quyền xét duyệ t. Theo đúng quy trình, mọ t đề nghị thanh toán hoạ c mua hàng phải thông qua nhiều cấp độ phê duyệ t khác nhau và tất cả những cấp độ này đều đu ợc phân quyền rõ ràng trong hệ thống phần mềm và hệ thống phần mềm sẽ thực hiệ n xử lý nghiệ p vụ theo đúng những quy trình này. Do vạ y, khi mọ t nghiệ p vụ phát sinh xảy ra không tuân theo quy trình này thì hệ thống không xử lý đu ợc. Điều này là vấn đề gạ p phải rất nhiều trong quá trình tiển khai và vạ n hành hệ thống kế toán và đôi khi gạ p phải sự phản ứng mạnh mẽ của những phòng ban liên quan.

(4) Nhóm nhân tố liên quan trong công tác tổ chức kế toán ban đầu

Quá trình vạ n hành hệ thống kế toán đôi khi gạ p phải những khó kha n mà những khó kha n này bắt đầu từ công tác tổ chức kế toán ban đầu. Có thể do ban đầu chư a nghiên cứu hết những yêu cầu quản lý cần cung cấp những gì và cũng có thể là do ban đầu không lu ờng hết đu ợc những nhân tố tác độ ng làm ảnh hu ởng đến công tác tổ chức kế toán nên trong quá trình vạ n hành gạ p rất nhiều khó kha n. Khó kha n có thể phát sinh là do yêu cầu quá nhiều chỉ tiêu phải nhạ p liệ u đối với mọ t nghiệ p vụ kinh tế phát sinh, điều này làm mất rất nhiều thời gian cho công tác nhạ p liệ u và dễ dàng dẫn đến những sai sót và đôi khi kết quả của việ c nhạ p liệ u này lại không đu ợc sử dụng triệ t để cho việ c lạ p báo cáo quản trị. Do vạ y, vấn đề cần phải đạ t ra hàng đầu cho công tác tổ chức kế toán là phải xác định rõ những thông tin cần thiết để tổ chức, xây dựng công tác nhạ p liệ u ban đầu sao cho đo n giản nhất, dễ thực hiệ n nhất nhu ng cũng đảm bảo đu ợc

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

việc cung cấp thông tin hiệu quả nhất.

Một vấn đề nữa liên quan đến công tác tổ chức ban đầu mà khi vận hành hệ thống kế toán gặp rất nhiều khó khăn là do việc thiết lập danh mục các đối tượng kế toán không phù hợp theo yêu cầu quản lý. Có thể là do ban đầu khi thiết lập hệ thống kế toán, những thông tin liên quan đến danh mục đối tượng không được quan tâm nên không chú trọng. Chính vì điều này dẫn đến việc các danh mục đối tượng được thiết kế chỉ đảm bảo cho mục tiêu dễ dàng sử dụng, mang tính chất gợi nhớ nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác nhập liệu. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp phát triển đến một giai đoạn nào đó thì cần đến những báo cáo phân tích mà những báo cáo này thường chủ yếu dựa vào những danh mục đối tượng kế toán. Ví dụ như báo cáo phân tích doanh số bán hàng theo từng khu vực được thiết kế dựa trên danh mục đối tượng khách hàng, báo cáo phân tích tình hình mua hàng theo từng nhóm đối tượng nhà cung cấp được thiết kế dựa trên danh mục đối tượng nhà cung cấp ... Khó khăn khi vận hành hệ thống kế toán do công tác tổ chức ban đầu phải kể đến đó là vấn đề tổ chức bộ máy kế toán, sự phân công công việc không rõ ràng dẫn đến việc không có sự thống nhất trong cách phân quyền truy cập vào hệ thống. Từ đó dẫn đến việc không quy được trách nhiệm rõ ràng cho từng nhân viên khi kết quả nhập liệu sai. Đây cũng là một trong những vấn đề cần đặc biệt quan tâm khi tổ chức công tác kế toán trong điều kiện tin học hóa. Việc phân công công việc rõ ràng, phân quyền đúng và đầy đủ, đảm bảo được vấn đề kiểm soát và quy được trách nhiệm rõ ràng của từng nhân viên trong bộ máy kế toán có thể được xem là một trong những thành công bước đầu khi tổ chức bộ máy kế toán.

Và cuối cùng vấn đề giải pháp và các quy trình làm việc chưa thống nhất hoặc không tuân thủ đúng cũng gây rất nhiều khó khăn trong quá trình vận hành hệ thống kế toán tại doanh nghiệp trong điều kiện tin học hóa. Giải pháp không thống nhất có thể sẽ dẫn đến việc ghi nhận thông tin không được nhất quán đối với những nghiệp vụ phát sinh có tính chất tương tự. Đây là một trong những vi phạm rất nghiêm trọng trong

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

việ c tuân thủ các chuẩn mực kế toán. Mọ t ví dụ cho tru ờng hợp này là việ c không thống nhất giải pháp cho việ c áp dụng phu o ng pháp tính giá cho hàng xuất kho hie u quả phù hợp với tình hình doanh nghie p sẽ dẫn đến việ c khó kha n khi vạ n hành hệ thống và đôi khi phải thay đổi lại phu o ng pháp tính giá. Ví dụ nhu đối với mọ t doanh nghie p có rất nhiều chủng loại hàng hóa , tình hình nhạ p xuất hàng liên tục xảy ra nhu ng lựa họn phu o ng pháp nhạ p tru ớc xuất tru ớc để tính giá hàng xuất kho sẽ gây ra nhiều khó kha n cho quá trình vạ n hành hệ thống ho n việ c lựa chọn phu o ng pháp bình quân gia quyền. Khó kha n đó xảy ra là do để áp dụng đu ợc phu o ng pháp tính giá nhạ p tru ớc xuất tru ớc đòi hỏi việ c cạ p nhạ t thông tin từng lô hàng nhạ p vào phải kịp thời và đầy đủ. Nhu ng đôi khi do nhiều lý do trong thực tế mà việ c cạ p nhạ t này sẽ gạ p khó kha n và không đáp ứng đu ợc, chính vì điều này mà phần mềm không thể tính giá đúng khi xuất kho. Vấn đề này là do những doanh nghie p lựa chọn sai giải pháp trong giai đoạn đầu triển khai hệ thống và đôi khi bắt buo c phải thay đổi giải pháp nếu không hệ thống sẽ không vạ n hành đu ợc. Còn đối với việ c không tuân thủ quy trình sẽ dẫn đến việ c khó kha n rất nhiều cho hệ thống kế toán mà đạ c bie t là đối với những doanh nghie p áp dụng giải pháp ERP trong công tác quản lý.

(5) Nhân tố con ngu ời

Con ngu ời ở đây không chỉ bao gồm những ngu ời làm công tác kế toán mà còn bao gồm cả những ở ngu ời ở những bọ phạ n khác trong mọ t doanh nghie p và những ngu ời bên ngoài doanh nghie p mà những ngu ời này ít nhiều có ảnh hu ởng liên quan đến công tác tổ chức kế toán trong mọ t doanh nghie p. Trong điều kie n tin học tin học hóa đòi hỏi những ngu ời làm công tác kế toán ngoài yêu cầu đòi hỏi về mạ t nghie p vụ chuyên môn, đạo đức nghề nghie p mà còn đòi hỏi có những kỹ na ng sử dụng máy tính, kiến thức về phần mềm để có thể sử dụng và phát huy những điểm mạnh của phần mềm kế toán. Ngoài ra, khi tổ chức công tác kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho cả hệ thống báo cáo tài chính và hệ thống báo cáo quản trị đòi hỏi ngu ời làm công tác kế toán phải có rất nhiều tâm

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

huyết với công việc và không ngại khó khi phải nhập liệu chi tiết nhiều. Đối với ban lãnh đạo doanh nghiệp, vì mục tiêu hiệu quả và tính chất công việc mà đôi khi không thực hiện theo đúng những quy trình đã được ban hành khi giải quyết các công việc phát sinh hằng ngày, đây là một trong những nguyên nhân gây rất nhiều khó khăn trong việc vận hành hệ thống, đặc biệt là những doanh nghiệp có quy mô rộng và áp dụng giải pháp ERP.Đối với những người ở những bộ phận khác trong một công ty đôi khi không tuân thủ hay không tán thành những quy trình chặt chẽ mà hệ thống kế toán đòi hỏi, thậm chí đôi khi còn phản ứng mạnh mẽ với những thay đổi về mặt quy trình khi tiến hành xây dựng hệ thống mới. Bên cạnh đó, để có được thông tin cụ thể nhằm đảm bảo cho công tác nhập liệu phản ánh đúng, đầy đủ chi phí phát sinh cho từng dự án, sản phẩm phòng ban ... theo yêu cầu quản lý thì trước tiên những chi phí gắn liền với những chỉ tiêu phân tích này phải được những người liên quan xác nhận đúng và thể hiện rõ ràng trên các chứng từ kế toán liên quan. Tuy nhiên, khi tổ chức và vận hành một hệ thống kế toán, để có sự phối hợp nhịp nhàng giữa các phòng ban không phải là một việc làm dễ dàng và chính vì vậy có thể nói đây cũng là một khó khăn thật sự đối với sự thành công của một hệ thống kế toán. Đối với những người bên ngoài doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hệ thống kế toán của một doanh nghiệp đó là người hỗ trợ trong công tác triển khai hệ thống. Có thể nói sự thành công hay thất bại của một hệ thống kế toán phụ thuộc rất nhiều vào công tác triển khai ban đầu sau khi mua phần mềm về và đưa vào áp dụng cho doanh nghiệp. Nếu mua được một phần mềm tốt, có được đội ngũ nhân viên giỏi nhưng công tác tổ chức ban đầu không được tốt thì chắc chắn hệ thống sẽ không được thành công. Những người làm công tác tư vấn triển khai hệ thống sẽ đóng vai trò là những người giúp cho doanh nghiệp hoàn thiện công tác xây dựng và tổ chức ban đầu từ việc xây dựng quy trình, hoàn thiện giải pháp đến công tác thiết lập những báo cáo đặc thù cho doanh nghiệp ..... bởi lẻ hơn ai hết họ là những người hiểu rõ nhất về những nguyên tắc vận hành của hệ thống. Tuy nhiên, trong thực tế khi tư

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

vấn triển khai xây dựng hệ thống kế toán cho doanh nghiệp không phải doanh nghiệp nào cũng mai mắn có đu ợc những con ngu ời tâm huyết và trách nhiệm hoàn toàn với công việc này và nếu không đu ợc mai mắn có đu ợc những ngu ời tu vấn hệ thống giỏi thì chắc chắn doanh nghiệp sẽ gạp rất nhiều khó kha n trong công tác tổ chức và vạn hành hệ thống kế toán.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Chu o ng 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VIỆC VẬN DỤNG TIN HỌC TRONG TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP LỚN THÀNH PHỐ HUẾ

3.1. Các mục tiêu và định hướng vận dụng tin học trong tổ chức công tác kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

3.1.1. Kết hợp cha t chẽ kế toán tài chính và kế toán quản trị

Trong no i dung chu o ng hai, nhóm nghiên cứu đã phân tích mo t cách khá cụ thể và chi tiết về kế toán tài chính và kế toán quản trị, những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai he thống báo cáo này cũng nhu phân tích mo t cách khá cụ thể và chi tiết tiêu chuẩn của he thống thông tin kế toán hữu ích và sự cần thiết của nó. Từ những phân tích, câu hỏi tự đa t ra là có phải bo pha n kế toán cần có hai he thống sổ sách để phục vụ cho hai he thống báo cáo trên và câu trả lời đu ợc giải đáp ngay là hoàn toàn không phải, bởi lẻ ngày nay, khoa học kỹ thua t phát triển đã hỗ trợ rất nhiều cho những ngu ời thực hie n công tác kế toán tại doanh nghie p. Các doanh nghie p có thể lựa chọn và mua những phần mềm kế toán phù hợp với đa c điểm kinh doanh, na ng lực quản lý để phục vụ cho công tác kế toán, từ đó, doanh nhie p hoàn toàn có thể xây dựng mo t he thống kế toán đủ mạnh và cung cấp kịp thời những thông tin hữu hie u, cần thiết, kịp thời cho cả vie c la p, trình bày báo cáo tài chính và báo cáo quản trị.

Tuy nhiên, giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị ma c dù có điểm giống nhau là cùng nghiên cứu quá trình sản xuất kinh doanh, cùng sử dụng he thống ghi chép ban đầu của kế toán và cùng thể hie n trách nhie m của ngu ời quản lý nhu ng có rất nhiều điểm hòan tòan khác nhau do đối tu ợng cung cấp và yêu cầu thông tin khác nhau, đồng thời khi kết hợp giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị kế toán cũng ga p rất nhiều khó kha n. Do đó, để xây dựng thành công mo t he thống kế toán, điều tru ớc tiên về ma t quan điểm tổ chức cần phải có sự kết hợp cha t chẽ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị. Sự kết hợp tốt giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị sẽ giúp cho doanh nghie p nói chung giảm đu ợc rất nhiều chi phí cho công tác quản

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

lý và giúp cho những ngu ời làm công tác kế toán nói riêng giảm đu ợc rất nhiều thời gian và công sức khi làm các báo cáo kế toán.

3.1.2 Kết hợp hệ thống kế toán trong hệ thống thông tin quản lý của doanh nghiệ p.

Để điều hành doanh nghiệ p hiệ u quả, trong công tác quản lý và điều hành doanh nghiệ p, nhà quản trị luôn cần nhiều thông tin với nhiều yêu cầu và mục tiêu khác nhau và những thông tin này đu ợc cung cấp bởi nhiều phòng ban khác nhau.

Các thông tin do hệ thống kế toán cung cấp giúp nhà quản trị doanh nghiệ p có đu ợc bức tranh tổng thể về tình hình hoạt đo ng kinh doanh trong quá khứ của doanh nghiệ p từ đó nhà quản trị có thể đề ra những quyết sách kinh tế trong tu o ng lai. Cụ thể là với các thông tin phục vụ cho việ c phân tích kết quả hoạt đo ng kinh doanh giúp cho doanh nghiệ p nhạ n ra những hoạt đo ng nào đang mang lại hiệ u quả hoạt đo ng để tiếp tục định hu ớng phát triển và những hoạt đo ng nào đang không hiệ u quả để tìm nguyên nhân và có hu ớng đi phù hợp. Bên cạnh đó, các thông tin phục vụ cho việ c tính giá thành giúp nhà quản trị có co sở định giá bán sản phẩm đồng thời xác định đu ợc các chỉ tiêu cụ thể cấu thành trong giá thành từ đó có những biệ n pháp hợp lý trong chiến lu ợc giảm giá thành sản phẩm. Ngoài ra với những thông tin về tình hình tài chính của doanh nghiệ p giúp nhà quản trị cân đối đảm bảo đủ nguồn tài chính cho các hoạt đo ng đồng thời tạ n dụng tối đa nguồn tài chính của mình trong các quyết định đầu tu , các hoạt đo ng sản xuất kinh doanh ...

Các bo phạ n, phòng ban khác trong doanh nghiệ p cũng cung cấp những thông tin quan trọng không kém cho các quyết định đúng đắn của nhà quản trị, bo phạ n kinh doanh, bo phạ n marketing cung cấp những thông tin đầy đủ về thị tru ờng để từ đó có những chiến lu ợc kinh doanh phát triển các kênh phân phối hợp lý. Bo phạ n nhân sự cung cấp những thông tin đầy đủ mo t cách có he thống về nguồn nhân lực giúp nhà quản trị có những quyết sách thích hợp nhằm phát huy tối đa nguồn lực quan trọng này .....

Nhìn chung, những bo phạ n phòng ban khác nhau trong mo t doanh

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

nghiệ p đều có thể cung cấp những thông tin quan trọng giúp cho những nhà quản trị doanh nghiệ p có những định hu ớng chiến lu ợc kinh doanh phù hợp. Tuy nhiên, những chiến lu ợc kinh doanh phù hợp đó chỉ thực sự có đu ợc hiệ u quả cao khi có sự phối hợp thông tin mọ t cách có thệ thống, kịp thời giữa các phòng ban trong doanh nghiệ p. Do vạ y, khi xây dựng hệ thống kế toán rất cần thiết phải quan tâm đến sự kết hợp chạ t chẽ với thông tin của những phòng ban khác trong hệ thống thông tin quản lý của doanh nghiệ p.

3.1.3 Góp phần nâng cao chất lu ợng thông tin kế toán để phục vụ cho các đối tu ợng khác nhau

Thông tin kế toán có vai trò rất quan trọng đối với những ngu ời có lợi ích trực tiếp và gián tiếp đối với doanh nghiệ p. Mọi đối tu ợng sử dụng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệ p mong đợi có sự đảm bảo thông tin mà họ sử dụng là những thông tin trung thực, đầy đủ, khách quan, chính xác, kịp thời ... thông qua đó, ngu ời sử dụng sẽ mạnh dạn đu a ra các quyết định phục vụ cho yêu cầu của mình. Còn trong hoạt đọ ng nọ i tại của mỗi doanh nghiệ p, thông tin kế toán hữu ích là những thông tin đáp ứng đu ợc yêu cầu của nhà quản lý trong việ c lạ p kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định, giúp họ đạt đu ợc những mục tiêu của doanh nghiệ p. Mọ t hệ thống kế toán quản trị đu ợc gọi là thành công khi tạo lạ p đu ợc những thông tin kế toán hữu ích thông qua các báo cáo kế toán quản trị. Không mọ t hệ thống kiểm soát chi phí nào có thể gọi là hoạt đọ ng tốt nếu không giải thích đu ợc sự khác biệ t giữa kế hoạch và thực tế và không thể xác định đu ợc sự khác biệ t giữa kế hoạch và thực tế và không thể xác định đu ợc trách nhiệ m của no i gây ra sự khác biệ t đó. Nhà quản lý không thể điều hành hoạt đọ ng kinh doanh mọ t cách hữu hiệ u nếu không có những thông tin phản hồi từ những hoạt đọ ng của doanh nghiệ p, nhằm chỉ ra khu vực còn yếu kém, không hoàn thành mục tiêu đề ra. Do vạ y, khi tổ chức hệ thống kế toán, mọ t trong những vấn đề quan trọng mà doanh nghiệ p phải quan tâm và đạ t u u tên hàng đầu là xây dựng và hoàn thiệ n hệ thống kế toán đảm bảo góp phần nâng cao chất lu ợng thông tin kế toán để phục vụ cho

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

các đối tu ợng khác nhau.

3.1.4 Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Nhạ n thức về vai trò của công nghệ thông tin và quan điểm chú trọng tin học hóa công tác kế toán của các nhà lãnh đạo trong doanh nghiệ p cũng ảnh hu ởng đáng kể đến tổ chức công tác kế toán. Công nghệ thông tin không phải là giải pháp vạn na ng cho những khó kha n của doanh nghiệ p nói chung và kế toán nói riêng, nhu ng cũng không phải chỉ đo n thuần là công cụ hỗ trợ làm ta ng tốc đọ tính toán và cung cấp thông tin. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán góp phần nâng cao hiệ u quả của công tác kế toán và nâng cao chất lu ợng thông tin kế toán cung cấp cho các đối tu ợng sử dụng và qua đó góp phần nâng cao na ng lực cạnh tranh của doanh nghiệ p trên thu o ng tru ờng. Do vạ y, khi nhà lãnh đạo trong doanh nghiệ p có nhạ n thức phù hợp về việ c ứng dụng công nghệ thông tin và vai trò công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệ p thì tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệ p có thể đu ợc tiến hành mọ t cách thuạ n lợi nhất.

3.2. Các giải pháp thực hiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp lớn ở Thành phố Huế

3.2.1. Giải pháp liên quan tới môi trường pháp lý

Mọ t trong những chức na ng chủ yếu của kế toán là cung cấp thông tin cho các đối tu ợng sử dụng thông tin để ra quyết định, chính vì vạ y mà thông tin kế toán cung cấp trên báo cáo tài chính phải phản ánh trung thực tình hình và kết quả hoạt đọ ng kinh doanh của doanh nghiệ p để cho ngu ời sử dụng có thể hiểu đu ợc, đáng tin cạ y nghĩa là không có sai sót trọng yếu, có tính liên quan giữa các kỳ với nhau và có thể so sánh đu ợc các thông tin tài chính. Để đạt đu ợc mục tiêu báo cáo tài chính có chất lu ợng, cần có những quy định làm khuôn mẫu giúp đánh giá, nhạ n diệ n những vấn đề hợp lý và không hợp lý liên quan đến việ c ghi nhạ n và trình bày thông tin tài chính trên báo cáo tài chính mà những quy định làm khuôn mẫu đó chính là những nguyên tắc và chuẩn mực kế toán. Các nguyên tắc kế toán nhu là những

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

tuyên bố chung nhu là các chuẩn mực và những sự hu ớng dẫn cho kế toán để lạ p các báo cáo tài chính đạt đu ợc các mục tiêu có thể hiểu đu ợc, tính đáng tin cạ y, tính có liên quan và có thể so sánh đu ợc. Do vạ y, mọ t trong những nguyên tắc đầu tiên khi tổ chức xây dựng hệ thống kế toán là vạ n dụng phù hợp chuẩn mực và chế đọ kế toán đu ợc ban hành.

3.2.2. Giải pháp liên quan đến môi trường thông tin

Chính phủ cần có nhiều chính sách và biệ n pháp thúc đẩy môi tru ờng thông tin trong nu ớc phát triển theo hu ớng tiếp cạ n thông tin tiên tiến trên thế giới, cụ thể: Tạo điều kiệ n cho doanh nghiệp tiếp cạ n thông tin về kỹ thuạ t, xu hu ớng ngành nghề kinh doanh trên thế giới thông qua các kênh truyền thông nhu mạng internet, báo chí, họ i thảo, họ i chợ triển lãm, ... Khi doanh nghiệp đu ợc tiếp cạ n với ngày càng nhiều thông tin sẽ là co họ i lớn để thay đổi quan điểm, cách thức quản trị truyền thống và tiếp cạ n với cách quản trị mới.

Bên cạnh đó cần tạo điều kiệ n thuạ n lợi để các doanh nghiệp cung cấp giải pháp phát triển HTTTKT tiếp cạ n với các doanh nghiệp thông qua các kênh truyền thông phổ biến và có thể hỗ trợ những doanh nghiệp này tiếp cạ n khách hàng bằng cách cung cấp thông tin về doanh nghiệp.

Ngoài ra, Nhà nu ớc cần hỗ trợ doanh nghiệp trong đào tạo các nọ i dung về quản trị doanh nghiệp và kế toán gắn với điều kiệ n ứng dụng CNTT để các nhà quản trị có thể tiếp cạ n và hoạt đọ ng tốt trong môi tru ờng thông tin nhằm nâng cao khả na ng sử dụng thông tin kế toán cho việ c quản lý và điều hành doanh nghiệp.

3.2.3. Giải pháp về các yếu tố trong bộ máy kế toán

Từ kết quả khảo sát thực tế cho thấy doanh nghiệp lớn ở thành phố Huế cần cải thiệ n hiệ u quả hoạt đọ ng của bọ máy kế toán với các giải pháp đề xuất nhu sau:

Đu a ra các yêu cầu cụ thể của bọ máy kế toán: xác định rõ các yêu cầu và trình bày du ới dạng va n bản để làm tiêu chuẩn tổ chức bọ máy kế toán, tuyển dụng hay huấn luyệ n nhân viên. Các yêu cầu đối với bọ máy kế

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

toán là: (1) Yêu cầu nhân sự về chuyên môn nghiệ p vụ, về đạo đức nghề nghiệ p; (2) Yêu cầu về tổ chức và phân công công tác với nguyên tắc cần đáp ứng là ghi nhạ n, xử lý và cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác, kịp thời, đảm bảo công bằng trong khối lu ợng công việ c của mỗi nhân viên, đảm bảo thông tin đu ợc truyền thông nhanh chóng, phân chia công việ c rõ ràng, cụ thể cho từng chức danh, bọ phạ n, cá nhân; (3) Yêu cầu về quản lý và kiểm soát đối với bọ máy kế toán.

Lựa chọn hình thức tổ chức bọ máy kế toán thích hợp: Có ba hình thức tổ chức bọ máy kế toán đó là hình thức tạ p trung, hình thức phân tán và hình thức vừa tạ p trung vừa phân tán. Với các ứng dụng của CNTT đu ợc đu a vào trong HTTTKT thì hình thức tổ chức bọ máy kế toán vừa tạ p trung, vừa phân tán sẽ phù hợp khi doanh nghiệp có yêu cầu cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho từng đo n vị trực thuọ c và toàn doanh nghiệp cũng nhu doanh nghiệp có thể dành mọ t nguồn lực tài chính đáng kể để đầu tu cho HTTTKT.

3.2.4. Giải pháp về kỹ thuật

Phần cứng

Mọ t số giải pháp đề xuất đối với nhóm doanh nghiệp trong việ c đầu tu và sử dụng các phần cứng phục vụ cho HTTTKT trên nền máy vi tính bao gồm:

• *Lựa chọn phần cứng tu o ng thích với PM:* Cần đạ c biệ t chú ý vấn đề này bởi tuỳ theo PM đu ợc sử dụng trong HTTTKT mà phần cứng cần đu ợc lựa chọn tu o ng ứng. Mỗi PM đều có yêu cầu về phần cứng thì mới có thể cài đạ t và hoạt đọ ng ổn định.

• *Sử dụng CPU có dung lu ợng đủ lớn để xử lý dữ liệ u:* Thông qua kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu nhận thấy rằng một số doanh nghiệp nói rằng tốc đọ xử lý dữ liệ u kế toán hiệ n tại quá chạ m. Do đó, để khắc phục tình trạng này doanh nghiệp cần nâng cấp hệ thống CPU để đảm bảo năng lực xử lý của phần mềm.

• *Đầu tu các thiết bị lu u trữ thứ cấp* nhu ba ng từ, đĩa từ, ổ cứng di đọ ng, USB, thẻ nhớ, ... đáp ứng yêu cầu sao lu u dự phòng dữ liệ u và

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

thông tin.

• *Sử dụng phần cứng với công nghệ mới* để đảm bảo hơn nữa về mặt an ninh và chất lượng. Tuy nhiên, do không thể đầu tư quá nhiều chi phí cho HTTTKT nên doanh nghiệp cần cân nhắc vấn đề này và có thể nhờ doanh nghiệp cung cấp phần mềm tư vấn.

Phần mềm

• *Ứng dụng hệ thống ERP trong doanh nghiệp:* Đối với nhóm các doanh nghiệp vừa có quy mô hoạt động tương đối rộng khắp thì để thuận lợi hơn cho công tác quản lý cũng như hỗ trợ hoạch định, doanh nghiệp nên chuyển đổi sang sử dụng hệ thống ERP. Tuy nhiên, doanh nghiệp vừa chỉ nên chuyển sang sử dụng hệ thống ERP khi đã đang sử dụng PMKT bởi nếu chuyển đổi trực tiếp từ hệ thống thủ công thì rủi ro ứng dụng không thành công hệ thống ERP là rất lớn. Một số điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp vừa đưa đến quyết định ứng dụng hệ thống ERP gồm: (1) HTTTKT hiện tại không đáp ứng được yêu cầu quản lý và cung cấp thông tin ngày càng cao, doanh nghiệp gặp quá nhiều khó khăn trong kiểm soát và truyền thông; (2) Nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và kiên trì mục tiêu của nhà quản trị cấp cao trong kế hoạch ứng dụng ERP; (3) doanh nghiệp có ít nhất một nhà quản trị hay nhân viên hiểu rõ về hệ thống ERP, đặc biệt là quy trình ứng dụng ERP; (4) doanh nghiệp chuẩn bị sẵn nguồn tài chính dồi dào đủ để theo đuổi mục tiêu ứng dụng ERP bởi chi phí cho hệ thống này là rất lớn, tuy nhiên nếu không đủ tiềm lực ứng dụng cùng một lúc tất cả phân hệ thì doanh nghiệp có thể lựa chọn ứng dụng trước một vài phân hệ được cho là cấp thiết; (5) Công tác quản lý trong doanh nghiệp đã tiếp cận với xu hướng quản trị quốc tế đặc biệt đã sử dụng phương pháp quản trị theo mục tiêu và chu trình; (6) doanh nghiệp chấp nhận được khoảng thời gian tương đối dài để ứng dụng thành công hệ thống ERP; (7) Chấp nhận được sự thay đổi mạnh mẽ trong quy trình xử lý nghiệp vụ, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; và (8) Không đặt quá nhiều kỳ vọng đối với hệ thống ERP. Khi doanh nghiệp vừa nhận thấy mình có các điều kiện trên thì có thể đưa đến quyết định sử dụng hệ thống ERP. **Quy trình**

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

ứng dụng hệ thống ERP có thể đu ợc thực hiệ n nhu sau: (1) Xác định mục tiêu của hệ thống; (2) Xây dựng co sở hạ tầng; (3) Lựa chọn phần mềm ERP phù hợp; (4) Thành lạ p ban hu ớng dẫn dự án; (5) Xác định cấu trúc của phần mềm; (6) Xác định các tuỳ chỉnh tối thiểu; (7) Phân tích và chuyển đổi dữ liệ u; (8) Tái cấu trúc quy trình kinh doanh; (9) Truyền thông giữa các bọ phạ n; và (10) Tạo sự hợp tác giữa các bọ phạ n trong doanh nghiệp.

Trên thực tế, khi lựa chọn phần mềm, doanh nghiệp có thể thông qua các kênh nhu : ngu ời quen giới thiệ u, nhân viên trong doanh nghiệp giới thiệ u, quảng cáo, doanh nghiệp cùng ngành đang sử dụng, ... Nhằm đảm bảo lựa chọn đu ợc phần mềm phù hợp nhất, doanh nghiệp nên kết hợp các kênh này với nhau chứ không nên chỉ dựa vào mọ t kênh.

Xác định *rõ tiêu chuẩn và yêu c*ầu đạ t ra đối *với PM sử dụng trong HTTTKT*: Tác giả đề xuất các tiêu chuẩn lựa chọn PM nhu sau (tiêu chuẩn đu ợc sắp xếp theo tầm quan trọng giảm dần): (1) Đáp ứng các tiêu chuẩn của PMKT theo thông tu 103/2005/TT-BTC. (2) Khả na ng hoạt đọ ng của PM: PM phải cung cấp đu ợc các kết xuất đầu ra đáp ứng yêu cầu pháp luạ t về kế toán đạ c biệ t là các báo cáo bắt buọ c, cung cấp đu ợc các kết xuất đầu ra mong muốn, khả na ng hoạt đọ ng của PM chính xác và ổn định, phù hợp yêu cầu về tốc đọ , thời gian xử lý và thời điểm cung cấp thông tin. DNNVV cần thử nghiệ m quy trình xử lý dữ liệ u tự đọ ng trên PM nhằm đảm bảo các tính na ng này hoạt đọ ng tốt. Xem xét khả na ng đổ dữ liệ u ra excel của PM; (3) Tiêu chuẩn về tính kiểm soát của PM: yêu cầu về khả na ng kiểm soát truy cạ p hệ thống, các giải pháp hỗ trợ sao lu u dự phòng dữ liệ u, có các giải pháp tạo ra dấu vết ghi nhạ n quá trình truy xuất và chỉnh sửa dữ liệ u, các giải pháp hỗ trợ nhạ p liệ u và kiểm soát tốt quá trình nhạ p liệ u; (4) Tính linh hoạt của PM: khi các chính sách kế toán của Nhà nu ớc thay đổi, nhu cầu thông tin kế toán và yêu cầu kiểm soát của doanh nghiệp thay đổi, ... thì PM sử dụng trong HTTTKT cần có khả na ng tuỳ biến để đáp ứng yêu cầu mới; (5) Giá phí và khả na ng hỗ trợ của NCC PM: xem xét cẩn thạ n giá phí của PM bao gồm những gì (giá PM cho bao nhiêu máy

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

cài đạ t, chi phí cài đạ t, chi phí huấn luyệ n ngu ời sử dụng, chi phí cho tài liệ u, chi phí nhạ p liệ u ban đầu, ...), khả na ng hỗ trợ về mạ t tài chính của NCC PM, hệ thống trợ giúp đầy đủ và tức thời, các cam kết về cạ p nhạ t, nâng cấp, bảo hành và bảo trì PM, hồ so hu ớng dẫn cài đạ t, sử dụng và xử lý sự cố đầy đủ, chi tiết, giao diệ n PM thân thiệ n, kinh nghiệ m thiết lạ p, tổ chức HTTTKT của NCC PM, ...

3.2.5. Kiến nghị với doanh nghiệp lớn

- Nhà quản lý trong doanh nghiệp cần thay đổi tư duy về hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, chú trọng vào việc xây dựng các hệ thống để hỗ trợ cho việc ra quyết định quản lý.

- Tăng cường đầu tư vào các thiết bị và phần mềm kế toán để đảm bảo hệ thống hoạt động hữu hiệu và hiệu quả. Tăng cường công tác tuyển dụng và đào tào cán bộ nhân viên, đảm bảo đủ năng lực khai thác hệ thống của doanh nghiệp.

3.2.6. Kiến nghị đối với các đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm

Triển khai, cung cấp các phần mềm có chất lượng, sử dụng các hệ quản trị cơ sở dữ liệu hiện đại. Bên cạnh cung cấp phần mềm, các doanh nghiệp cần có sự hỗ trợ, tư vấn về triển khai phần mềm để phù hợp với các yêu cầu đặc thù.

3.2.7. Kiến nghị đối với các đơn vị đào tạo

Đối với các co sở đào tạo ra các kế toán viên, kế toán tru ởng cần nghiên cứu và đu a vào chu o ng trình đào các nọ i dung liên quan đến tổ chức công tác kế toán cho doanh nghiệp. Đạ c biệ t, cần cải tiến chu o ng trình đào tạo bằng cách đu a thêm các môn học liên quan đến ứng dụng tin học hoá trong công tác kế toán để đào tạo ra những con ngu ời thành thạo cả hai kỹ na ng kế toán và CNTT. Bên cạnh đó, các co sở đào tạo kế toán cũng cần chú trọng ho n đến việ c vạ n dụng trên thực tế các kiến thức lý thuyết kế toán đã học thông qua các chu o ng trình ngoại khoá (mời các chuyên gia bên ngoài tru ờng đến giới thiệ u về thực tế hoạt đọ ng kế toán), chu o ng trình tạ p sự tại mọ t số doanh nghiệp, tổ chức các cuọ c thi học thuạ t về

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

kế toán, ...

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Phần III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Tổ chức HTTTKT trong điều kiệ n tin học hóa đã và đang là xu hu ớng tất yếu của tất cả các doanh nghiệp ở Việ t Nam và trên Thế giới. Hiệ n nay các giáo trình, bài báo hay các công trình khoa học nghiên cứu về đề tài này rất nhiều nhu ng chủ yếu tạ p trung giải quyết vấn đề tổ chức HTTTKT trong điều kiệ n ứng dụng CNTT. Còn các nhân tố chi phối, đảm bảo cho sự thành công của việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán của các doanh nghiệp lớn còn đang bị bỏ ngõ. Xuất phát từ thực trạng đó, đề tài khái quát hóa các kiến thức nền tảng về ứng dụng CNTT vào HTTTKT đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn tại thành phố Huế. Cách thức tổ chức cũng như các nhân tố tác động đến hiệu quả của việc tin học hoá công tác kế toán tại các doanh nghiệp này cũng đã được tìm hiểu.

Bên cạnh đó, đề tài khái quát tình trạng hoạt đọ ng kinh doanh và quản lý của các doanh nghiệp lớn tại thành phố Huế. Các vấn đề còn tồn tại trong công tác điều hành doanh nghiệp trong đó cần sự hỗ trợ từ HTTTKT với các ứng dụng CNTT. Thông qua khảo sát thực trạng tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp ở Việ t Nam trong điều kiệ n tin học hóa, cho thấy thực trạng của HTTTKT trong các doanh nghiệp lớn tại thành phố Huế, vấn đề nào đã đạt đu ợc và cần giải quyết vấn đề nào. Cuối cùng, thông qua khảo sát đề tài đã đu a ra mọ t số đề xuất đối với các co quan Nhà nu ớc có thẩm quyền, đối với các doanh nghiệp lớn cũng như các đơn vị cung cấp giải pháp phần mềm cho doanh nghiệp.

2. Các kiến nghị hướng nghiên cứu tiếp theo

Mặc dù đề tài đã đạt được một số kết quả nghiên cứu nhất định tuy nhiên nhóm nghiên cứu vẫn chưa đi sâu tìm hiểu hết các yếu tố trong công tác tổ chức kế toán. Điều này xuất phát từ thời gian nghiên cứu tương đối ngắn, kinh phí hạn hẹp. Mặt khác, đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, công tác kế toán vẫn chưa được minh bạch nên nhóm nghiên cứu gặp nhiều khó khăn khi tìm hiểu sâu về công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán quản trị.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Để đề tài có thể ứng dụng thực tiễn nhóm nghiên cứu đề xuất nên tìm hiểu kỹ hơn nữa về phần hành kế toán quản trị tại các doanh nghiệp này, xây dựng một mô hình hệ thống thông tin kế toán dựa trên nền máy tính để có thể áp dụng rộng rãi cho các doanh nghiệp khác.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Romney, M. B., Steinbart, P. J., & Cushing, B. E. (2000). *Accounting information systems*: Prentice Hall Upper Saddle River, NJ.

[2] Nguyễn Phước Bảo Ấn và cộng sự (2012), *Tổ chức kế toán trong doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Phương Đông.

[3] Nguyễn Phước Bảo Ấn và cộng sự (2012), *Hệ thống thông tin kế toán (Tập 3)*, Nhà xuất bản Phương Đông.

[4] Nguyễn Việt và cộng sự (2010), *Nguyên lý kế toán*, Nhà xuất bản lao động.

[5] Thái Phúc Huy và cộng sự (2012), *Hệ thống thông tin kế toán (tập 2)*, Nhà xuất bản Phương Đông.

[6] Nguyễn Văn Thông (2009), *Tổ chức hệ thống kế toán doanh nghiệp trong điều kiện tin học hoá*, Luận văn thạc sỹ - Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Phạm Trà Lam (2012), *Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ - Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

[8] Trần Thanh Thuý (2011), *Tình hình ứng dụng ERP và sự tác động của ERP đến tổ chức hệ thống thông tin kế toán tại Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ - Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC CÔNG TY KHẢO SÁT

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	PHẦN MỀM	HÌNH THỨC GHI SỔ
1	Công ty Cổ phần Xây lắp TTH	9 Phạm Văn Đồng, Huế	Mansys 9.1	Chứng từ ghi sổ
2	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	2 Trần Cao Vân, Huế	SAP ERP	Chứng từ ghi sổ
3	Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TTH	53 Nguyễn Gia Thiều, Huế	Fast	Nhật ký chứng từ
4	Công ty Cổ phần An Phú	10 Phạm Văn Đồng, Huế	Afsys	Nhật ký chung
5	Công ty TNHH Bia Huế	243 Nguyễn Sinh Cung	Navision	Chứng từ ghi sổ
6	Công ty CP cơ khí-XD công trình TTH	76 Lý Thái Tổ, Huế	Unesco	Chứng từ ghi sổ
7	Công ty Cổ phần Vicem thạch cao xi măng	24 Hà Nội, Huế	Fast accounting	Nhật ký chung
8	Công ty CP Vật tư NN TTH	Tản Đà, Huế	Fast accounting	Chứng từ ghi sổ
9	Công ty Cổ phần Huetronic	5-7, Hoàng Hoa Thám, Huế	VIP Enterprise	Chứng từ ghi sổ
10	Công ty CP Long Thọ	432 Bùi Thị Xuân, Huế	Bravo	Nhật ký chứng từ
11	Công ty CP phát triển thủy sản TTH	86 Nguyễn Gia Thiều, Huế	Fast accounting	Nhật ký chung
12	Công ty Cổ phần XDGT TTH	77 Phạm Văn Đồng, Huế	Unesco	Nhật ký chứng từ
13	Cty TNHH Vận tải Thương mại San Hiền	238-242, Lê Duẩn, Huế	Misa	Chứng từ ghi sổ
14	Công ty cổ phần du lịch Hương Giang	2 Nguyễn Công Trứ Huế		Kế toán máy

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT

TÌM HIỂU TỔ CHỨC HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Xin các anh/chị vui lòng dành chút thời gian quý báu trả lời giúp chúng tôi mọ t số câu hỏi trong phiếu khảo sát này để chúng tôi có thêm thông tin phục vụ cho đề tài nghiên cứu khoa học này. Những thông tin này sẽ giúp ích cho việc nâng cao hiệu quả sử dụng hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Chúng tôi cam kết chỉ dùng thông tin này cho mục đích nghiên cứu, không dùng cho bất cứ mục đích nào khác làm ảnh hu ởng đến doanh nghiệ p. Cảm ơn sự giúp đỡ và hợp tác của quý doanh nghiệp.

PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Tên doanh nghiệp	
Lĩnh vực kinh doanh	
Địa chỉ	
Phần mềm kế toán sử dụng	

PHẦN 2: ĐẶC ĐIỂM PHẦN MỀM KẾ TOÁN SỬ DỤNG

1. Nguồn gốc phần mềm kế toán

☐ Dựa trên nền Excel

☐ Phần mềm đóng gói

☐ Phần mềm đặt hàng

☐ Phần mềm kế toán của nước ngoài

2. Phần mềm kế toán hiện tại được sử dụng ở phòng ban nào khác ngoài bộ

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

phận kế toán không?

☐ Chỉ sử dụng ở bộ phận kế toán

☐ Phòng kinh doanh (Bán hàng)

☐ Phòng hành chính

☐ Phòng kế hoạch

☐ Toàn công ty

☐ Khác……..

3. Phần mềm kế toán hiện tại có khả năng kết nối với các phần mềm quản lý khác ở doanh nghiệp không?

☐ Phần mềm quản lý nhân sự

☐ Phần mềm quản lý khách hàng

☐ Phần mềm hỗ trợ kê khai thuế

☐ Khác……..

4. Phần mềm đang sử dụng hoạt động như thế nào?

Rất ổn định	Ổn định	Vừa phải	Thỉnh thoảng có lỗi	Thường xuyên bị lỗi

5. Những lỗi phát sinh ở phần mềm là do

Phần mềm bị lỗi

Kế toán thực hiện không đúng

Dữ liệu bị mâu thuẫn

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Khác……..

6. Những lỗi này được khắc phục như thế nào?

Tự khắc phục

Yêu cầu nhà cung cấp phần mềm hỗ trợ

Không khắc phục được

Khác……..

7. Phần mềm hiện tại có hỗ trợ tốt cho việc lập báo cáo tài chính không?

Có thể lập đầy đủ các báo cáo tài chính theo đầy đủ các hình thức ghi sổ

Có thể lập đầy đủ các báo cáo tài chính theo một số hình thức ghi sổ

Một số báo cáo phải lập bằng excel

Khác……..

8. Phần mềm hiện tại có khả năng thực hiện các báo cáo kế toán quản trị bên cạnh báo cáo tài chính không?

Có Không

9. Có những báo cáo kế toán quản trị nào anh, chị không thể thực hiện được trên phần mềm không? (Vui lòng liệt kê)

……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..
……..

10. Anh, chị có thường xuyên nhận được sự hỗ trợ của đơn vị cung cấp phần mềm không?

Có Không

11. Theo anh chị, mức độ bảo mật của phần mềm kế toán đang sử dụng như

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

thế nào?

Rất cao	Cao	Vừa phải	Thấp	Rất thấp

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

PHẦN 3: TỔ CHỨC KẾ TOÁN TRONG ĐIỀU KIỆN TIN HỌC HOÁ

1. Doanh nghiệp có các tài liệu mô tả hệ thống kế toán, mô tả công việc, trách nhiệm cá nhân, bảng mô tả nhu cầu thông tin không?

Có Không

2. Việc tổ chức kế toán có được thường xuyên xem xét lại để đáp ứng nhu cầu thông tin quản lý không?

Định kỳ

Khi có thay đổi nhân sự

Khi có yêu cầu của nhà quản lý

Khác……..

3. Việc phân chia trách nhiệm giữa các nhân viên kế toán có được quy định rõ ràng hay không?

Có Không

4. Doanh nghiệp vận dụng hệ thống kế toán như thế nào để cung cấp báo cáo quản trị?

Chỉ sử dụng hệ thống tài khoản, mở thêm các tiểu khoản để quản lý các khoản mục

Xây dựng các trung tâm chi phí, tài khoản kế toán quản trị riêng

Sử dụng tài khoản kế toán kết hợp với danh mục các đối tượng cần quản lý

Khác……..

5. Doanh nghiệp có xây dựng hệ thống bảng mã thống nhất cho các đối tượng cần quản lý không?

Có Không

6. Hệ thống chứng từ, sổ sách hiện tại của doanh nghiệp có đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của doanh nghiệp không?

Rất tốt Tốt Trung bình Không tốt Quá thiếu

7. Các chứng từ được nhập vào phần mềm ra được kiểm duyệt như thế nào?

Chỉ xem xét chứng từ đang nhập

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ

Đối chiếu, so sánh với các chứng từ có liên quan khác

Khác……..

8. Các chứng từ nhập vào phần mềm có bao giờ bị nhập trùng không?

Có Không

9. Các chứng từ, sổ sách in từ phần mềm ra có được đóng dấu, ký tên và xét duyệt đầy đủ không?

Có Không

10. Theo anh, chị, chất lu ợng thông tin mà hệ thống kế toán doanh nghiệ p đang cung cấp hiện tại như thế nào?

Rất cao Cao Vừa phải Thấp Rất thấp

11. Việc cung cấp thông tin cho ban lãnh như thế nào

Rất nhanh Nhanh Vừa phải Chậm Rất chậm

12. Những khó kha n mà anh chị gạ p phải khi tổ chức công tác kế toán trong điều kiệ n tin học hóa.

Phần mềm hiện tại không phù hợp với doanh nghiệp

Bên cung cấp phần mềm không còn hỗ trợ

Đội ngũ nhân viên không tiếp cận kịp với phần mềm

Bên cung cấp phần mềm không còn hỗ trợ

Khác……..

13. Theo anh, chị phần mềm hiện tại có hữu ích cho công tác kế toán tại doanh nghiệp không?

Có Không

Xin chân thành cảm o n sự nhiệ t tình của các anh/ chị

ĐẠI HỌC KINH TẾ HUẾ